



Văn học và TUỔI TRẺ



ISSN: 18592686

SỐ THÁNG 2
NĂM 2026

VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tháng Giêng,

mơ về
trăng non
rét ngọt

KIM
DƯƠNG
20
26



THẺ LỆ CUỘC THI

Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn

Nhằm rèn luyện kỹ năng viết văn và đáp ứng yêu cầu của các kì thi quan trọng, đồng thời khuyến khích học sinh phát huy sự sáng tạo trong môn Ngữ văn, Tạp chí Toán học và Văn học trong nhà trường tổ chức cuộc thi **Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn** trên kì Văn học và Tuổi trẻ.

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

- Giáo viên, giảng viên các trường trên toàn quốc (ra đề bài cho học sinh).
- Học sinh THCS và THPT trên toàn quốc (tham gia viết đoạn ngắn).

II. THỜI GIAN: từ 05/09/2025 đến hết ngày 30/05/2026.

III. NỘI DUNG CUỘC THI

* Dành cho giáo viên:

– Giáo viên tham gia gửi đề viết đoạn văn nghị luận văn học hoặc đoạn văn nghị luận xã hội hay cho học sinh, kèm gợi ý làm bài cụ thể.

– Yêu cầu: Đề bài cần rõ ràng, có tính sáng tạo và khả năng khơi gợi tư duy của học sinh; có mức độ phù hợp với học sinh THCS và THPT theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn.

* Dành cho học sinh: Mỗi thí sinh tham gia viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài mà *Văn học và Tuổi trẻ* đăng tải trên các kì.

IV. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG

Đề bài và đoạn viết tốt sẽ được trao phần thưởng và chọn đăng trên ấn phẩm *Văn học và Tuổi trẻ* hàng tháng.

V. CÁCH THỨC GỬI BÀI

– Gửi bài qua email:

+ Email: radevanhay.vietngaydoanngan2025@gmail.com

+ Tiêu đề email: *Dự thi Cuộc thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn.*

– Lưu ý:

+ Bài dự thi phải có đầy đủ thông tin về họ và tên, trường học, địa chỉ và số điện thoại liên hệ.

+ Bài dự thi cần được trình bày khoa học, sạch sẽ, chưa được xuất bản thành sách, báo hay đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.



Thông tin chi tiết **Cuộc thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn** xem tại fanpage Văn học và Tuổi trẻ.



TRONG SỐ NÀY

Số tháng 2 (589)
năm 2026



Đầu năm gặp gỡ nhà văn Đỗ Bích Thuý
Thuý Dương (thực hiện)

3



Tiếng Việt gấm hoa

Nhà văn Văn Giá

6

Cuộc chiến chính tà hay cuộc thi tuyển phán quan?

Vũ Thị Mai Lan

8



Con ngựa trong thành ngữ, tục ngữ Việt Nam

TS. Phan Xuân Thành

14

Kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ trữ tình (tiếp theo)

PGS.TS. Lê Quang Hưng

17



Thủ sức trước kì thi vào lớp 10 môn Ngữ văn (Chuyên Ngoại ngữ)

ThS. Nguyễn Thị Thuỷ Anh

22

Thủ sức trước kì thi Tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn

Đỗ Thị Hương Giang

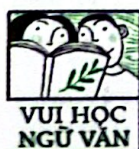
30



Sân nhà

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư

36



Vui học Ngữ văn – Đề thi tháng 2.2026 – Tháng Giêng

Hồng Nhung

41

Tác giả; Một ánh trăng Giêng vành vạnh trước nhà

Trương Văn Ánh; Đặng Quốc Hoàng

44

Miền tháng Giêng xanh

Nguyễn Chí Ngoan

46



Chúng ta gặp nhau trong hình dáng khác; Vẻ đẹp của sự khác biệt

Nguyễn Lam Giang; Trần Đình Khánh Nghi

48

Kể lại truyện cổ tích *Cậu bé Tích Chu*; Hình ảnh “chim yến làm tổ”

Trần Gia Linh; Đào Duy Kiên

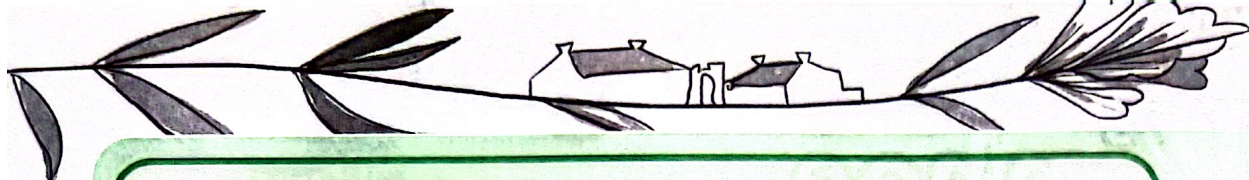
54

Hình ảnh “lò than đã rực hồng”, “trăng ngân đầy thuyền”

Lê Bùi Minh Hằng

62

Độc giả có thể đặt mua các ấn phẩm của Tạp chí tại các bưu cục VNPT trên cả nước với mã đặt như sau: Văn học và Tuổi trẻ (C668), Văn tuổi thơ (C668.1), Toán tuổi thơ 1 (C169), Toán tuổi thơ 2 (C169.1), Toán học và Tuổi trẻ (C168)



TOÁN HỌC VÀ VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Journal of Mathematics and Literature in School
TẠP CHÍ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng thành viên
kiêm Tổng Giám đốc NXBGDVN
NGUYỄN TIẾN THANH
Tổng biên tập NXBGDVN
PHẠM VINH THÁI
Viện trưởng Viện NC Sách & HLGD
LÊ HỒNG SƠN

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Phó Tổng biên tập NXBGDVN
TS. LÊ HỒNG MAI

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Nhà văn Tạ Duy Anh
GS.TS. Lê Huy Bắc
PGS.TS. Phan Huy Dũng
PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp
PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng
PGS.TS. Lê Quang Hưng
PGS.TS. Trịnh Thị Lan
GS. Nguyễn Khắc Phi
GS. TS. Trần Đình Sử
ThS. Trần Tiến Thành
PGS.TS. Nguyễn Thành Thi
Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều
ThS. Nguyễn Văn Thư
Nhà báo Thân Thị Phương Thu

PHỤ TRÁCH TẠP CHÍ

TS. Lê Hồng Mai

THƯ KÍ TOÀ SOẠN

Võ Thị Hồng Thu

BIÊN TẬP

Nguyễn Thị Lan

BÌA – MINH HOẠ

Kim Duẩn

PHÁT HÀNH

Trần Minh Hiền (Trưởng phòng)

KẾ TOÁN – HÀNH CHÍNH – TỔNG HỢP

Nguyễn Minh Thanh (Phó trưởng phòng)

TOÀ SOẠN

187B Giảng Võ, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội
Điện thoại – Email
* Biên tập: 0243.5122847
vanhocvatuoitre2020@gmail.com
* Phát hành: 0243.5142649
phathanhvantre@gmail.com
* Hành chính: 0243.5121606

Đầu năm gặp gỡ nhà văn Đỗ Bích Thuý

Nhà văn Đỗ Bích Thuý sinh năm 1975 tại Hà Giang (nay là Tuyên Quang), hiện chị làm việc tại Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Đỗ Bích Thuý là tác giả của 24 đầu sách thuộc nhiều thể loại. Sáng tác của chị chủ yếu viết về miền núi và đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc, với giọng văn trữ tình, tinh tế, gắn với những hình ảnh quen thuộc như núi đá, nương ngô, hoa tam giác mạch, phong tục tập quán vùng cao...

Các tác phẩm tiêu biểu của Đỗ Bích Thuý: *Sau những mùa trăng*, *Tiếng đàn môi sau bờ rào đá*, *Lặng yên dưới vực sâu*, *Chúa đất*, *Người yêu ơi*, *Tôi đã trở về trên núi cao*,... Một số sáng tác của chị được chuyển thể thành phim, tiêu biểu là truyện ngắn *Tiếng đàn môi sau bờ rào đá* (phim điện ảnh *Chuyện của Pao*), tiểu thuyết *Lặng yên dưới vực sâu* (phim truyền hình cùng tên). Nhiều tác phẩm của chị được đưa vào sách giáo khoa Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như *Bầy chim mùa xuân* (Tiếng Việt 5), *Và tôi nhớ khói* (Ngữ văn 6), *Chuối hạt cườm màu xám* (Ngữ văn 8),...

Trong số này, Văn học và Tuổi trẻ xin trân trọng cảm ơn nhà văn Đỗ Bích Thuý đã nhận lời trò chuyện cùng tòa soạn. Giữa khoảng thời gian chị tạm "đóng cửa" với công việc để nghỉ ngơi, nhà văn vẫn dành sự ưu ái khi mở một "cánh cửa nhỏ" cho cuộc hẹn văn chương đầu năm đầy ấm áp và ý nghĩa.



1. Thưa nhà văn, nếu tự nhận diện mình qua văn chương, chị cho rằng điều gì trong con người Đỗ Bích Thuý khiến chị luôn gắn bó với miền núi, dù đã sống ở Hà Nội nhiều năm?

Nhà văn Đỗ Bích Thuý: Tôi gắn bó với miền núi vì đó là quê hương của tôi, nơi cha mẹ đã sinh ra và nuôi dạy tôi khôn lớn. Tôi nghĩ, ai cũng có một vùng đất để gắn bó, để nhớ nhung, để quay về. Nếu có sự khác biệt thì tôi có văn chương để sống với nhớ nhung ấy, để có thể "quay về" bất cứ lúc nào và dù sống ở bất cứ đâu.

Tôi thích viết về đời sống miền núi như là nó đã và đang diễn ra. Điều đó có nghĩa là có cả vui và buồn, cả sướng lẫn khổ, cả bi kịch lẫn lí tưởng... Nếu bạn đọc phần lớn những cuốn sách mà tôi đã viết và nếu bạn hiểu miền núi, bạn sẽ thấy rõ điều tôi vừa nói.

Tuy nhiên, tôi nói thêm điều này, ngay cả khi tôi muốn viết về đời sống miền núi như là nó vốn có, dù là ở thể loại hư cấu hay phi hư cấu, tôi cũng sẽ mãi mãi không đủ sức viết về tất cả những gì đã và đang, hay sẽ diễn ra ở miền núi. Không bao giờ nghệ thuật có thể đuổi kịp hiện thực đời sống.

2. Có ý kiến cho rằng nhân vật trong truyện của chị thường cam chịu, ít phản kháng. Chị nghĩ sao về nhận xét này?

Nhà văn Đỗ Bích Thuý: Tôi không rõ bạn có được ý kiến này từ đâu, nhưng điều đó không chính xác lắm. Bản thân tôi không phải là một người cam chịu, khuất phục số phận (cười), và tôi không bao giờ muốn nhân vật của tôi chỉ một chiều như vậy. Tất nhiên, trong tiểu thuyết, truyện ngắn, mỗi nhân vật có một số phận, tính cách, hoàn cảnh sống riêng, nên đương nhiên sẽ có những nhân vật tích cực và tiêu cực.

3. Trước xu hướng văn chương đề cao tốc độ và kịch tính hiện nay, chị có bao giờ hoài nghi lối viết lặng lẽ, chậm rãi của mình?

Nhà văn Đỗ Bích Thuý: Tôi nói điều này, có lẽ bạn thấy khó tin, viết văn là việc tôi làm vì bản thân (trước khi vì bạn đọc). Vì tôi muốn làm điều đó. Lao động văn chương khiến tôi hạnh phúc. Và vì thế, chọn cách viết nào, nhanh hay chậm, lặng lẽ hay ồn ào, tôi chưa bao giờ bị ảnh hưởng bởi xu hướng. Bên cạnh đó, tôi có bạn đọc. Bạn đọc của tôi thích cái cách viết mà tôi chọn lựa, thế thì tôi lần tẩn làm gì.

4. Nhìn lại hơn hai thập kỉ gắn bó với văn chương, đâu là thử thách lớn nhất mà chị từng đối diện và điều gì đã giữ chị ở lại với con đường viết trong những thời điểm khó khăn nhất?

Nhà văn Đỗ Bích Thuý: Thử thách lớn nhất đối với tôi là lần đầu tiên viết tiểu thuyết. Tiểu thuyết là một thể loại rất khác so với truyện ngắn, tôi phải vật lộn để tìm ra lối đi.

Còn điều gì giữ tôi lại ư? Tôi chưa từng nghĩ tới việc từ bỏ văn chương kể từ khi bắt đầu viết tới giờ, ngay cả khi phải trải qua những giai đoạn rất khó khăn trong cuộc sống, tôi cũng không nghĩ có lí do gì mà tôi phải từ bỏ văn chương cả. Thậm chí, văn chương còn là thứ tiếp thêm cho tôi năng lượng ấy chứ.

5. Thưa nhà văn, nhân dịp số tạp chí đầu năm này, xin được hỏi chị về một mạch viết không xuất hiện khá nhiều và luôn để lại dư vị rất riêng trong văn chương của chị. Với chị, Tết có ý nghĩa như thế nào để chị dừng lại và viết về nó?

Nhà văn Đỗ Bích Thuý:

Bạn hỏi câu này tôi cũng mới nghĩ ra, quả đúng là mình có viết về Tết nhiều thật. Nếu giờ mà tập hợp tất cả những gì viết về Tết có khi cũng được một cuốn sách khá dày rồi. Lí do thì rất thực tế, Tết là dịp mà các báo hay đặt bài. Mọi người đặt thì tôi lại cảm cái viết. Cả năm có một tờ báo Tết, bài bao giờ cũng được trình bày đẹp, nhuận bút lại còn cao nữa (cười).

Trong kí ức của tôi, Tết bao giờ cũng là dịp đoàn tụ. Hồi tôi còn nhỏ, các anh trai đi học xa, nên cả nhà mong Tết lắm vì dịp ấy mới đông đủ. Lại nghèo nữa, nên Tết thì được ăn ngon, được may áo mới. Tôi nhớ cách cha mẹ tôi chuẩn bị những cái Tết, nhớ cha mẹ luôn để dành những thức ngon đợi các con về. Trong cái tâm thức ấy, mỗi lần viết về Tết là một lần được trở về trong vòng tay cha mẹ, được làm một đứa trẻ. Nhớ những dịp đẹp như thế đó...

6. Cuối cùng, chị có thể chia sẻ với bạn đọc VH&TT một tác phẩm hoặc một trích đoạn ngắn viết về Tết miền núi, như một lời chúc đầu năm bằng văn chương?

Nhà văn Đỗ Bích Thuý:

Tôi gửi các bạn một bài viết nhỏ đã in trong sách giáo khoa nhé.

Bầy chim mùa xuân

Tháng Giêng! Tôi nhớ những hạt cây vừa nảy mầm trên mặt đất. Chúng luôn xanh tươi, non bầy, run rẩy yếu đuối nhưng cũng kiêu hãnh vô tận. Chúng xuyên qua những vụn đất nặng nhọc để trời lên.

Ngày hôm ấy khai xuân, chúng tôi cùng bố mẹ ra vườn. Tôi vẫn còn bé, mẹ nói: "Con hãy đi dép vào kẻ vườn nhiều gai lắm". Nhưng tôi không muốn đi dép bởi tôi thích cái cảm giác đất vườn ẩm ướt, mềm mại ôm lấy hai bàn chân thật dịu dàng. Bố tôi là người bỏ xuống nhất cuộc đầu tiên còn anh trai tôi thì hát. Anh ấy luôn hát mỗi khi ra vườn. Khu vườn dường như là cả thế giới tuyệt diệu của chúng tôi.

Tôi ngồi thụp xuống dưới gốc cây hồng xiêm rất to và ngắm mấy cái hạt mầm. Gió xuân phảng phất bên tai tôi, trên má tôi. Tôi đã luôn nghĩ rằng mọi cây cối trong vườn, mọi chiếc lá hay mỗi bông hoa, chúng đều biết vui buồn.

Anh tôi chợt dừng hát, ngồi xuống bên cạnh và thì thào:

- Này, anh vừa nhìn thấy đàn chim "Mùa Xuân" đấy.

Tôi quay phắt sang:

- Thật ư?

Một tay anh đưa lên miệng, tay kia anh chỉ cho tôi thấy. Ôi chao, đúng là một đàn đến hàng trăm con, loài chim mà chúng tôi đặt tên là "Mùa Xuân". Bởi vì chúng chỉ trở về vào mùa xuân, làm tổ khắp vườn và rồi sẽ bay đi khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè chiếu xuống. Chúng có màu đỏ. Tất cả chúng đều có màu đỏ. Chúng đậu trên những vòm cây như quả chín.

Tôi nhìn thấy bố vẫy tay và chúng tôi rón rén trở về nhà, nhường cả khu vườn đang đâm chồi mướt mát cho bầy chim ấy.

Thuý Dương thực hiện



Tiếng Việt *gấm hoa*

(Ngày xuân đọc lại

Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt của Vũ Bằng)

Nhà văn Văn Giá

Bạn đã bao giờ đọc văn chương thấy khởi lên trong lòng những niềm khoái thú ngôn từ chưa? Bạn đã khi nào đọc văn chương bỗng trầm trồ một hình ảnh được nở ra trong chuỗi tiếng? Hay có khi nào đọc văn xuôi mà bạn ngỡ đó là một âm giai vỗ cánh bay lên? Nếu chưa từng, bạn hãy đọc Vũ Bằng, cụ thể hơn, đọc vào chương (hay một phân khúc trong đó thôi) mang tên *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* để thấy tất cả những điều vừa nói.

Văn Vũ Bằng là văn của khẩu ngữ, của tiếng/lời thâm bên trong, của con tim tha hương đang trùng trùng thương nhớ quê hương miền Bắc, thương nhớ Hà Nội, thương nhớ cảnh và người, thương nhớ cả một quãng đời từ tấm bé cho đến tuổi trung niên tính đến lúc chia xa. Đó là một thứ văn trữ tình thốn thốc.

Tràn ngập lời văn như những tiếng gọi thốt lên trực tiếp, công khai, không giấu diếm.

Đây là tiếng gọi của chủ thể trữ tình trước người xa: “*Ồi ơi người em gái tóc xoã bên cửa sổ!*”. Liên sau đó là những câu hỏi tu từ như tâm sự, chia sẻ, như mời gọi cô gái chàng trai cùng nhìn ngắm mùa xuân, cùng lắng nghe tiếng xuân của đất trời, tự lòng người xao động: “*Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rức nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn?*”. Như thể tỏ bày với một người con gái chưa đủ, tác giả gọi thêm “*chàng trai*”, gọi thêm “*người thiếu phụ*” để chừng như ước đoán, như chia sẻ tiếng xuân, tình xuân đang rưng rức trong lòng.

Toàn bộ văn của Vũ Bằng là một khối tình lớn hướng về không gian Bắc Việt, cụ thể là Hà Nội, đồng thời cũng là hồi nhớ về quá khứ, nơi ắp đầy kỉ niệm, nơi có phần mộ tổ tiên, có một người vợ “*tám mẩn*” tình tứ yêu thương, nay tất cả trong vơi vợi cách xa. Đó vốn là một thứ văn tưởng như độc thoại, nhưng lại hoá thành đối thoại, đối thoại trong một hình hài độc thoại. Nhớ và thương. Thương nên càng nhớ. Diệu trữ tình nửa độc thoại nửa đối thoại triền miên, cắt cửa trong từng trang viết. Chỗ nào cũng là tiếng gọi, tiếng thương, tiếng nhớ: “*Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương*

mến". Ngay cả khi không xuất hiện những từ hô gọi thì lời văn của Vũ Bằng vẫn cứ trong hình hài tiếng gọi, tiếng của con tim đang rạo rực những thương cùng nhớ, những ngóng cùng yêu.

Hỏi ai đọc văn Vũ Bằng, có thấy những giai điệu vỗ cánh trong từng tiết nhịp không? Nhiều câu văn, cụm từ/ngữ lặp lại liên hồi: lặp về số chữ, lặp về câu hỏi, kèm với những tiếng gọi, tiếng ngỏ, tiếng bày. Hãy lắng nghe tiết tấu của tiếng Việt nhịp nhàng, da diết làm sao trong điệu thức nhịp chẵn bốn (hoặc sáu) chữ này: *"Ai bảo được/ non đừng thương nước/ bướm đừng thương hoa/ trăng đừng thương gió;// ai cấm được trai thương gái/ ai cấm được mẹ yêu con/ ai cấm được cô gái còn son..."*. Hoặc nữa, có khi mô hình câu/ngữ được điệp lại cũng làm nên tiết nhịp của câu văn: *"có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh/ có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa/ có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ như mộng"*. Mỗi câu văn làm một chi lưu lúc êm đêm mơ mộng khi miên man thao thức khát tình. Tất cả hợp lại làm thành một ngữ lưu chứa chan thương nhớ. Các câu văn xuôi ngậm no tính thơ, làm nên một thứ thơ - văn xuôi đích thực. Thơ chẳng phải, trước hết và chủ yếu là nhịp điệu của ngôn từ đó thôi!

Nói tới phẩm chất của một nhà văn, trước hết phải xem khả năng tưởng tượng và liên tưởng của họ có dồi dào, tinh tế, điêu luyện, có gây nên nổi ngạc nhiên hay không. Điều này cho phép người đọc nhận ra tác giả có thực tài hay không? Mang tinh thần này soi ngắm vào văn Vũ Bằng, nhiều khi chữ nghĩa của ông khiến ta sửng sốt và kinh ngạc. Chỉ một trường đoạn trong *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* thôi cũng đủ làm minh chứng. Nói về chàng trai, nhà văn tưởng tượng lòng chàng *"như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động"*. Nói về thiếu phụ, tưởng như lòng nàng *"xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ"*... Thêm nữa, nhà văn chỉ cho bạn đọc cảm nhận rõ mồn một tâm trạng náo nức hơi khí mùa xuân, sự sống xuân như cửa quay trong cơ thể: *"Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti gơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh"*. Quả là những câu văn tuyệt bút. Tiếng Việt trong tay Vũ Bằng trở nên quyến rũ và mâu nhiệm thế này sao!

Xa Hà Nội vào tháng 10/1954, tại Sài Gòn, Vũ Bằng viết *Thương nhớ mười hai* từ năm 1960, hoàn thành năm 1971 và xuất bản năm 1972. Bao nỗi nhớ thương tha thiết về miền Bắc, về Hà Nội, về gia đình, vợ con và bè bạn đã chảy tràn lên từng trang viết. *Tình nặng và tài lớn* của nhà văn kết tinh vào tiếng Việt gấm hoa, làm nên một kiệt tác *Thương nhớ mười hai* cho văn chương và văn hoá Việt Nam.



Cuộc chiến chính tà hay cuộc thi tuyển phán quan?

(Văn bản Tản Viên từ Phán sự lục (Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên), SGK Ngữ văn 10, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

Vũ Thị Mai Lan

GV. Trường THPT Chuyên Hạ Long, Quảng Ninh

Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên (trích Truyền kì mạn lục – Nguyễn Dữ) là tác phẩm được đưa vào sách giáo khoa môn Ngữ văn cấp THPT ở cả Chương trình 2006 và 2018. Bên cạnh thành công ở nghệ thuật kể chuyện, tác phẩm còn tôn vinh công lí và thể hiện niềm tin chính nghĩa nhất định thắng gian tà. Câu chuyện diễn biến kịch tính hấp dẫn như một cuộc chiến căng thẳng giữa chính và tà, với nhiều nút thắt lớn nhỏ và tình tiết li kì, gay cấn. Trải qua bao khó khăn thử thách, có lúc tưởng cái ác và sự giả trá đã che mờ được sự thật, bẻ cong công lí. Nhưng cuối cùng chính luôn thắng tà và sẽ có phần thưởng xứng đáng cho người dũng cảm bảo vệ công lí.

Đọc truyện, có một chi tiết khiến người đọc không khỏi thắc mắc. Diêm Vương, trong tâm thức của người phương Đông nói chung, người Việt nói riêng là vị Thần cai quản Minh ti. Diêm Vương có cuốn sổ sinh tử ghi chép rõ ràng từng việc thiện ác của con người, hơn nữa mắt thần như điện, tại sao tên Bách hộ họ Thôi có thể dối gạt Diêm Vương để vu oan hãm hại người tốt? Diêm Vương và Đức Thánh Tản sao có thể để cho “rể ác mọc lan, khó lòng lay động” và các phán quan cũng chấp nhận sự “dối trá càn bậy”, “buôn quan bán ngục”, “tham của dút” khiến cho kẻ ác dễ dàng qua mặt? Điều này khiến nhiều người không khỏi thở dài, cho rằng chốn âm gian cũng vậy thôi, rằng câu chuyện của Nguyễn Dữ là cách để ông kín đáo phản ánh hiện thực xã hội đương

thời thông qua bộ máy quan liêu mà chính Diêm Vương cũng bị che mắt. Vậy, thử đặt giả thiết, nếu câu chuyện này chỉ là một màn kịch được an bài vô cùng kín kẽ nhằm tuyển được quan Phán sự đền Tản Viên một cách xứng đáng nhất thì sao? Nếu đồng tình với giả thiết này, chúng ta hãy thử xem lại diễn biến câu chuyện từ một góc nhìn khác.

Quan Phán sự là vị Thần coi việc xử án và duy trì công lí, cần cương trực và can đảm. Ngô Tử Văn ngay mở đầu tác phẩm đã được giới thiệu là người *“khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được”*. Hãy xem **thử thách đầu tiên** (tình huống mở đầu truyện), Tử Văn sẽ có cách ứng xử như thế nào:

Trong làng trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên Bách hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian.

Tên yêu quái họ Thôi rõ ràng là cái tên đáng sợ đối với một người phàm như Tử Văn, hơn nữa hắn cũng không uy hiếp trực tiếp quyền lợi của Tử Văn. Tuy nhiên, với một con người chính trực, đứng trước bất công, điều quan trọng không phải là cái lợi, cái hại cho bản thân mà là có dám hành động hay không. *“Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền”*. Hành động đốt đền của Tử Văn không chỉ nhằm trừng trị yêu quái mà còn để giải cứu nhân dân khỏi sự nhùng nhằng của yêu quái họ Thôi. Điều đó cho thấy chàng không phải là kẻ liều lĩnh, bất chấp vì không tin vào thần linh, ma quỷ. Trái lại, việc *“tắm gội sạch sẽ, khấn trời”* trước khi đốt đền chứng tỏ Tử Văn là người kính Thần, đồng thời tin tưởng rằng hành động của mình hợp với lẽ phải và thiên ý. Chính vì vậy, trong khi *“mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ”*, chàng vẫn thản nhiên *“vung tay không cần gì cả”*.

Thử thách thứ hai của Tử Văn là đối mặt với kẻ ác không chỉ gian trá, xảo quyệt mà còn có quyền năng phép thuật. Vậy chàng đã vượt qua thử thách ấy như thế nào?

Đốt đền xong, chàng về nhà, thấy trong mình khó chịu, đầu lão đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô, cao lớn, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng và quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ, đến đòi làm trả lại ngôi đền như cũ và nói:

– Nhà người đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao, cố gì lại dám khinh nhờn, huỷ tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả

ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đền Lư Sơn, Cố Thiệu sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên.

Tên yêu quái họ Thôi đã trở tài phép bức hại thân thể của Tử Văn, hỏi mấy người phạm có thể ung dung đối mặt với nạn này! Hơn nữa, hấn còn xảo quyết giả biện, dùng lí lẽ của Đạo Nho, dùng oai linh của quỷ thần để đe dọa Tử Văn bằng lời nói ra vẻ học thức: *“Biết điều thì dựng trả ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đền Lư Sơn, Cố Thiệu sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ”*. Khi thấy Tử Văn vẫn *“mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên”*, hấn phải tức giận bỏ đi cùng lời đe dọa sẽ uy hiếp tính mạng Tử Văn.

Thử thách thứ ba, Tử Văn gặp Thổ công thực sự của ngôi miếu. Xét trên bề mặt, thử thách này có vẻ dễ dàng bởi Thổ công đồng tình với hành động của Tử Văn, còn bày cách cho Tử Văn đối phó với Bách hộ họ Thôi. Nhưng xét về mặt tâm lí, Thổ công cho Tử Văn biết được thực lực của kẻ địch là *“quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thám ngược”*, hấn lại *“quyết chống chọi”* với Tử Văn, *“hiện đã kiện thấy ở Minh ti”*, với một người phạm liệu đó có phải là một cửa ải dễ dàng? Bởi lẽ, ngay cả Thổ công trước mặt chàng đây, vốn là một vị Thần mà cũng bất lực, *“đành ấn nhẫn mà ngồi xó một nơi”*, còn *“các đền miếu gần quanh, vì tham của dứt nên đều bệnh vực cho nó cả”*. Vậy lời nói của Thổ công là sự cổ vũ tinh thần dành cho Tử Văn, hay ngược lại, là lời cảnh báo cho thấy cuộc chiến này vô cùng cam go, kẻ địch của chàng *“là tay hung hãn, có thể gieo vạ”* cho chàng? Chàng nên bỏ cuộc hay tiếp tục? Có thể nói, thử thách thứ ba này cũng không hề đơn giản.

Thử thách thứ tư mang tính quyết liệt hơn, đẩy tình huống truyện lên cao trào. *“Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông”*. Khung cảnh nơi địa phủ với *“gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương”*, *“có đến mấy vạn quỷ Dạ Xoa, đều mất xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác”* quả thực rùng rợn, đủ khiến con người ta khiếp nhược. Ấy vậy mà Tử Văn đã bị phán quyết: *“Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm”*. Quả là sự uy hiếp tinh thần rất lớn. Đối mặt với tình thế ấy, Tử Văn vẫn có thể bình tĩnh kêu to, đòi được xét xử để tự minh oan cho bản thân. Điều đó chứng tỏ bản lĩnh và sự cứng cỏi của Tử Văn không gì có thể lay chuyển. Hoá ra, tên Bách hộ họ Thôi đã đến trước, giả danh Thổ công để vu cáo Tử Văn, che mắt các Phán quan, khiến Diêm Vương hồ đồ kết tội chàng. Trước mặt Diêm Vương, *“Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời Thổ công đã nói, lời lẽ cứng cỏi, không chịu nhún nhường”*

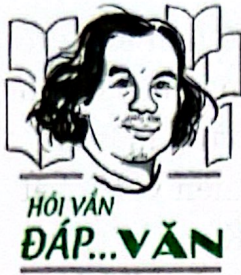
chút nào”, đồng thời đề nghị tra xét tại đền Tản Viên để làm sáng tỏ sự thật, từ đó bóc trần sự giả dối, nguy hiểm của tên tướng giặc. Hành động và lời nói của Tử Văn cho thấy, từ đầu đến cuối, chàng một mực tin vào lẽ phải, tin vào công lí và chính nghĩa, tin vào thiên ý. Và kết cục, chàng đã lật ngược tình thế trong đường tơ kẽ tóc. Kẻ ác bị trừng trị thích đáng, Tử Văn được sống lại, đền thờ được dựng lại, Tử Văn được hưởng phần xôi lợn cúng tế cùng với Thổ công. Kết cục đó là phần thưởng xứng đáng cho hành động trượng nghĩa của Tử Văn.

Nhưng Tử Văn vẫn còn **một thử thách cuối cùng**. Thổ công đến tiến cử chàng giữ chức Phán sự đền Tản Viên và giục chàng thu xếp việc nhà. Có nghĩa là, để nhận chức quan Phán sự, Tử Văn phải... chết trước đã! Ai mà chẳng ham sống sợ chết, nhưng với những gì Tử Văn đã nói và làm vào thời khắc then chốt, từ “*khấn Trời*” khi châm lửa đốt đền, đến “*xin tư giấy đến đền Tản Viên*” để phân định trắng đen thì lựa chọn của chàng là “*vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà, rồi không bệnh mà mất*” cũng là điều dễ hiểu. Tử Văn đã vượt qua một cách xuất sắc năm bài thi của mình và xứng đáng nhận chức Phán sự đền Tản Viên.

Trở lại câu hỏi đặt ra ở đầu bài viết, nếu nhìn toàn bộ câu chuyện từ góc độ một cuộc thi tuyển Phán quan, hẳn chúng ta đã lí giải được sự hồ đồ của Diêm Vương và vai trò Thổ công trong câu chuyện này rồi. Họ đã lợi dụng sự gian trá xảo quyệt của Bách hộ họ Thôi mà bày ra một màn kịch, đồng thời cũng diễn tròn vai của mình. Tử Văn bước vào cuộc tuyển trạch và khẳng định được sự cứng cỏi, cương trực khiến chàng xứng đáng nhận chức Phán sự đền Tản Viên.

Vậy cuộc thi tuyển Phán quan này có phải chỉ dành riêng cho Tử Văn? Có lẽ là không! Bởi Tử Văn không hề nhận được sự thiên vị hay dấu hiệu nào cho biết phần thưởng ở cuối chặng đường. Cuộc thi tuyển này là công bằng và cơ hội ban đầu dành cho tất cả mọi người. Nhưng có bước vào sự tuyển trạch hay không, có thể vượt qua bài tuyển trạch hay không là sự lựa chọn dành cho tất cả mọi người. Và biết đâu, từ xưa đến nay, ở nơi xa xôi luôn có một con mắt dõi nhìn, trao cho chúng ta cơ hội. Lựa chọn lên tiếng đứng về phía chính nghĩa, bênh vực điều thiện hay chấp nhận sống chung thoả hiệp với cái xấu cái ác sẽ quyết định tương lai sinh mệnh của mỗi người.





Các bạn thân mến! Chuyên mục “HỎI VẤN - ĐÁP...VẤN” do PGS.TS. Ngô Văn Giá phụ trách giúp các bạn giải mã những vẻ đẹp tiềm ẩn, thú vị của văn chương. Với tiêu chí là những câu hỏi “VẤN” (ngắn), các bạn hãy cứ yên tâm sẽ nhận được câu trả lời rất rất “VẤN” mà vẫn giải đáp mọi thắc mắc... Vậy còn đợi gì nữa mà không soạn thật nhiều câu hỏi hay gửi về VH&TT theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B

Giảng Võ, P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội (trong thư ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại để Tòa soạn tiện liên hệ).

Các bạn có câu hỏi hay, thú vị được chọn đăng trên VH&TT sẽ được nhận tạp chí và nhuận bút. Ngoài các câu hỏi được đăng hàng tháng, VH&TT còn dành tặng một phần thưởng đặc biệt cho các bạn có câu hỏi xuất sắc nhất trong quý.

Về câu thơ “Tà tà mưa bụi rắc thưa thưa” trong bài **Mưa xuân II** của **Nguyễn Bính...**

Thưa thầy, trong bài *Mưa xuân II* của Nguyễn Bính, có câu thơ “Tà tà mưa bụi rắc thưa thưa”, thầy có thể giải thích giúp em ý nghĩa và dụng ý nghệ thuật của cách diễn tả này được không ạ?



Trong đời thơ của mình, Nguyễn Bính viết nhiều thơ về mùa xuân, trong đó có hình ảnh mưa xuân khá đậm nét. Nhưng viết về hình ảnh mưa xuân một cách tập trung, trực tiếp như một thi đề “Mưa xuân” thì chỉ có hai bài, một bài trong tập *Lỡ bước sang ngang* in từ năm 1940 và một bài viết năm 1958 (sau này, khi in vào *Nguyễn Bính toàn tập*, bài thơ thứ hai được ghi là *Mưa xuân II*).

Ở bài thơ *Mưa xuân*, hình ảnh “mưa xuân” được miêu tả theo cách cảm nhận của một người con gái đang trông ngóng người trai mà mình đem lòng yêu sang bên thôn Đoài xem hội chèo. Tâm trạng người con gái được miêu tả từ lúc trông ngóng, náo nức đến khi chờ đợi trong thất vọng, rồi cuối cùng buồn tủi, giận hờn. Theo đó, cơn mưa cũng được miêu tả

theo hướng tăng tiến: “phơi phơi bay”, “mưa chấm bàn tay”, “mưa nặng hạt”, “mưa xuân đã ngại bay”... Đó là trạng thái mưa xuân cũng như thể hoà điệu cùng với trạng thái tâm hồn chủ thể trữ tình.

Đến bài *Mưa xuân II*, nhà thơ hầu như dành hoàn toàn cho bức tranh thiên nhiên mùa xuân, con người được nhắc đến như một ẩn tượng chung mang tính vô nhân xưng, không dừng lại đặc tả một nhân vật cụ thể nào. Tác giả tập trung khắc hoạ trạng thái mưa với những dấu hiệu rải khắp toàn bài. Mở đầu bằng một khung cảnh buổi chiều: “*Tà tà mưa bụi rắc thưa thưa*”. Câu thơ xuất hiện hai từ láy: “*tà tà*” chỉ trạng thái rơi xuống và bay xiên trước khi chạm vào mặt đất; “*thưa thưa*” vừa nói mật độ lại vừa nói độ nhẹ thoáng của những bụi mưa. Thêm nữa, ở giữa hai từ láy chỉ trạng thái có một động từ xuất hiện thật đặc địa: “*rắc*”, một động tác nhẹ nhàng, vì “*rắc*” nên mới “*tà tà*”, “*thưa thưa*” vậy. Cả câu thơ đưa lại cảm giác có một thứ mưa xuân thoáng nhẹ, khe khẽ đến nỗi không đủ gây ra bất cứ một tiếng động nào. Sau đó là các dấu hiệu nhận biết rất bé nhỏ, khe khẽ, thậm chí có vẻ mơ hồ: “*hoa đón mưa*”, “*Tơ nhện vừa giăng sợi trắng ngân*”, “*ấm ướt giọng chuông mờ*”, “*phảng phất mưa*”. Tất cả đều ở trạng thái tối thiểu, gần như có thể bị tiêu biến bất cứ lúc nào. Cái mỹ cảm đặc biệt tinh tế của nhà thơ được phát huy ở chỗ này. Miêu tả những trạng thái mơ hồ, li ti của sự sống luôn là thử thách đối với bất cứ nghệ sĩ nào.

Trở lại với câu thơ “*Tà tà mưa bụi rắc thưa thưa*”, xin lưu ý đây là một câu thơ đi ra từ cảm quan hiện thực, miêu tả trạng thái mưa xuân, một trạng thái mưa nhẹ, bay, thanh sạch và mang hơi ẩm, hơi ấm của đất trời. Tất cả trạng thái mưa đó hoà quyện với sự sống tươi tắn, động cựa, thanh bình của muôn loài muôn vật, của hoa cỏ, đất trời lẫn con người. Có phải do một trạng thái mưa xuân và sự sống xuân được miêu tả đẹp đẽ và mến yêu như vậy, nên dường như lòng người không muốn nó phai pha, cứ muốn giữ lại mãi, muốn sống trong lòng nó mãi mãi? Thế nên mới xuất hiện câu thơ ở phần cuối: “*Chiều xuân lưu luyến không dành hết/ Lơ lửng mù sương phảng phất mưa*”. Trạng thái mưa xuân/mùa xuân chưa đạt đến trạng thái viên mãn, tất cả mới đang trong trạng thái lên men. Hai câu thơ cuối thật tương hợp với câu thơ ở phần đầu bài thơ như trên: “*Tà tà mưa bụi rắc thưa thưa*”. Từ trạng thái mưa xuân của đất trời chuyển sang trạng thái mưa xuân của lòng người. Chút băng khuâng lưu luyến với sự sống mùa xuân rất thơ được khởi lên từ đó...

Hà Nội, cuối Đông, 2025

VG

Con ngựa

trong **thành ngữ, tục ngữ Việt Nam**



TS. Phan Xuân Thành

Trong 12 con giáp Tí (chuột), Sửu (trâu), Dần (hổ), Mão (mèo), Thìn (rồng), Tị (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó), Hợi (lợn) có đến sáu con gia súc gần gũi với đời sống con người là trâu, mèo, ngựa, dê, gà, chó. Các con vật này, trong đó có ngựa, thường được cho là béo khỏe, sinh đẻ nhiều, từ đó được biểu trưng cho việc làm ăn khấm khá, gia cảnh thịnh vượng. Vừa gần gũi với con người, vừa làm một con giáp biểu tượng cho mong muốn tốt lành của mỗi gia đình, mỗi người Việt Nam, ngựa được đưa vào tiếng Việt với nhiều phương diện khác nhau. Với thành ngữ, tục ngữ, ngựa trở thành một đối chứng rất thú vị.

Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam, trước hết khai thác các đặc điểm về cơ thể, tập tính, tính cách của ngựa để tạo thành những đơn vị ngôn ngữ – văn hoá dân gian giàu tính biểu trưng và hàm ẩn. Các nghĩa đặc trưng của ngựa trong thành ngữ, tục ngữ vừa có tính tích cực vừa có tính tiêu cực như bất cứ đối tượng nào trong cuộc sống.

Nói về ngựa là nói tới tốc độ nhanh của con vật này, theo đó biểu thị sự nhanh chóng của sự vật, sự việc, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội. Điều thú vị là, tốc độ nhanh của ngựa trong thành ngữ, tục ngữ không dùng theo lối trực tiếp so sánh kiểu như *nhANH NHƯ SÓC*, *nhANH NHƯ CẮT*, mà thường ẩn giấu trong những từ ngữ chỉ sự di chuyển của ngựa với mặc định độ nhanh của chúng. Chính vì thế, độ nhanh trong di chuyển của ngựa không phải là một phép so sánh về tốc độ mà ngựa là đối chứng so sánh. Độ nhanh ấy kết hợp với các yếu tố khác để tạo nên những triết lí về con người và cuộc sống của họ qua hình ảnh ngựa với tên gọi khác nhau như: *ngựa*, *mã*, *câu* (ngựa con đang sức lớn). Điều này được thấy trong các câu thành ngữ, tục ngữ như “*bóng câu*

qua cửa sổ” (thời gian trôi nhanh, vụt cái đã qua một quãng thời gian, một quãng đời, ví như bóng ngựa qua cửa sổ thoáng cái đã biến mất) hay “một lời nói ra, bốn ngựa khó tìm”/ “nhất ngôn kí xuất, tứ mã nan truy” (lời nói đã nói ra thì không thể thu lại được, do đó phải cẩn trọng trong từng lời nói của mình). Liên quan tới thành ngữ gắn liền với đặc tính nhanh của ngựa, chúng ta gặp thành ngữ “*nhANH NHƯ NGỰA VÍA*”, nhưng cần hiểu rằng, *ngựa vía* ở đây không phải là con ngựa thật ngoài đời mà là con ngựa giấy (hàng mã); và độ nhanh ở thành ngữ này cũng không phải là sự di chuyển của con ngựa mà là sự cháy nhanh của ngựa vía khi người ta hoá vàng.

Ngựa sống thành bầy đàn, nên cũng biết thương yêu, chung sống hoà thuận, chia sẻ ngọt bùi, khổ đau. Vì thế, dân gian mới có câu “*một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ*”. Ở đây, *tàu* chỉ máng đựng thức ăn, đồng thời chỉ bầy, đàn ngựa. Câu tục ngữ nói lên sự sẻ chia những khổ đau trong lúc gặp hoạn nạn, khó khăn của con người. Đó là truyền thống quý báu trong đạo lí của người Việt Nam. Ngoài ra, dựa vào đặc điểm hệ tiêu hoá của ngựa, trong đó manh tràng là đoạn nối giữa dạ dày và ruột non của ngựa vừa dài vừa thẳng, người Việt tạo lập thành ngữ “*thẳng ruột ngựa*”/ “*thẳng như ruột ngựa*” để chỉ tính thẳng thắn, bộc trực của con người. Về tập tính, ngựa là con vật nhớ đường đi lối về rất tốt nên người Việt có câu thành ngữ “*ngựa quen đường cũ*” nhưng lại phản ánh một đặc tính tiêu cực của con người. Đó là, con người đã mắc khuyết điểm, sai lầm thì dễ lặp lại những khuyết điểm, sai lầm đó. Cũng chính ngựa quen đường cũ, mà con ngựa của Tái ông thất lạc một thời gian, sau đó không những đã quay về mà còn dẫn thêm cả những con ngựa khác cùng về để rồi mở đầu cho những may rủi khó lường trong “*Tái ông mất ngựa*”/ “*Tái ông thất mã*”. Những đặc tính của ngựa cũng được khai thác ở những khía cạnh khác có tính tiêu cực như trong “*ngựa hay lấm tạt*”, “*ngư tâm ngư mã tâm mã*”, “*môm chó vó ngựa*”, “*ngựa non háu đá*”,...

Ngựa là một gia súc có nhiều lợi ích, nên căn cứ vào công năng của ngựa trong đời sống, nhân dân ta đã tạo lập những thành ngữ, tục ngữ đầy thú vị. Trước hết, ngựa là phương tiện chuyên chở con người. Người có ngựa kéo xe, ngồi trên lưng ngựa là thuộc hạng sang trọng trong xã hội trước đây, từ đó có thành ngữ “*lên xe xuống ngựa*”. Từ quá trình sử dụng ngựa làm phương tiện chuyên chở, con người đã đúc rút được kinh nghiệm “*đường dài mới hay sức ngựa*” với nghĩa đi đường dài mới biết (hay) con ngựa đó khoẻ hay không. Nói ngựa là để nói người, theo đó đánh giá khả năng của một con người không phải qua một vài

sự việc mà phải qua một quá trình. Con người phục vụ cho bất cứ ai vẫn phải luôn luôn là chính mình, đừng bị lợi dụng để biến mình “*làm trâu ngựa*” cho kẻ khác.

Ngày xưa, ngựa là con vật được dùng trong chiến trận, nên ngựa được khai thác ở nhiều khía cạnh khác nhau. Để chuẩn bị phát động chiến tranh hoặc khởi nghĩa, thì phải “*chiêu binh mãi mã*” (chiêu tập binh lính, mua ngựa). Đội quân được đánh giá mạnh, có khả năng chiến thắng hẳn là phải có “*thiên binh vạn mã*” (ngàn quân vạn ngựa – ở đây ngàn, vạn chỉ số lượng rất nhiều). Và muốn chiến thắng, đội quân ấy không chỉ nhiều quân, nhiều ngựa mà những người lính phải là những chiến binh dũng cảm, không sợ hi sinh dù có thể rơi vào tình cảnh “*đơn thương độc mã*” (một mình một ngựa với một cây giáo) vẫn hiên ngang giữa trận tiền hoặc dù biết trước có thể tử trận chịu thảm cảnh “*da ngựa bọc thây*” (chết lấy da ngựa bọc thi thể) vẫn vững tâm xung trận. Và cao hơn hết là khát vọng chiến thắng, mọi chiến thắng đều gắn liền với con ngựa. Vì thế, mới có câu “*mã đáo thành công*”. Câu “*mã đáo thành công*” vốn là một vế của câu “*kì khai đắc thắng, mã đáo thành công*” (cờ phát làm hiệu chiến thắng, ngựa quay về báo tin chiến thắng), nhằm chỉ sự thành công trong mọi lĩnh vực nói chung. Tuy nhiên, ở góc độ phong thủy, người ta thường vẽ tám con ngựa phi nước đại trên bức tranh với sự gán ghép nghĩa của *bát – tám* với *phát – phát* đạt để chỉ sự phát đạt trong làm ăn, buôn bán. Do đó, bức tranh trở thành biểu tượng cho việc làm ăn, buôn bán thành công; làm quà tặng trong khai trương, kỉ niệm của thương gia, phường hội, công ti kinh doanh, dịch vụ,... Dù ở nghĩa hẹp trong phong thủy hay nghĩa rộng nói chung, “*mã đáo thành công*” là sự mong muốn thành công, phát đạt, thịnh vượng của người Việt chúng ta mỗi độ Tết đến xuân về; mỗi dịp khai trương, khánh thành các cơ sở sản xuất, giao thương và nhiều lĩnh vực khác của cuộc sống.

Tết Nguyên đán năm Ngọ đã đến. Trong niềm vui đón chào năm mới, chúng ta cùng tìm hiểu những thành ngữ, tục ngữ Việt Nam nói về con ngựa. Dựa vào đặc điểm cơ thể, tập tính và công năng của ngựa trong đời sống, nhân dân ta đã sáng tạo nên nhiều câu thành ngữ, tục ngữ vừa sinh động vừa giàu ý nghĩa. Có những câu mang sắc thái tích cực, tiếp thêm năng lượng để con người nỗ lực trong công việc, vươn tới thành công; cũng có những câu hàm ý phê phán, gợi suy ngẫm sâu sắc nhằm giúp ta tránh sai lầm, khắc phục hạn chế, hoàn thiện bản thân. Từ đó, mỗi người thêm vững tin hướng tới một năm tốt lành, *mã đáo thành công*!



Kĩ năng

đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

(Tiếp theo số tháng 1.2026)

PGS.TS. Lê Quang Hưng

B. Những yêu cầu cần đạt khi làm bài đọc hiểu tác phẩm thơ trữ tình

Trong chương trình Ngữ văn phổ thông, trong đề kiểm tra đánh giá, đề thi của môn Ngữ văn ở các cấp THCS, THPT hiện nay, hệ thống câu hỏi đọc hiểu được hình dung thành ba mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Vậy đối với tác phẩm thơ trữ tình, những nội dung/vấn đề học sinh thường gặp là gì?

1. Mức nhận biết

- Thể thơ, đề tài của văn bản: Thể thơ được xác định trên cơ sở số tiếng (chữ) ở một dòng thơ và dòng thơ trong văn bản có đều đặn hay không. Đề tài của bài thơ nhằm trả lời câu hỏi: Viết về gì, về ai, bộc lộ tình cảm gì? Cần chú ý rằng việc lựa chọn thể thơ khi sáng tác thường tùy thuộc vào vấn đề/nội dung muốn biểu đạt, vào “nhịp điệu” cảm xúc của nhà thơ.

- Nội dung biểu đạt của một (hay một số) câu thơ, hình ảnh thơ trên bề mặt văn bản (điều này toát lên một cách trực tiếp, có tính hiển ngôn nên thường không khó trả lời).

2. Mức thông hiểu

- Trình bày cách hiểu về một (hay một số) câu thơ, hình ảnh đặc sắc trong văn bản.

- Xác định/chỉ ra phương thức tu từ cùng phân tích hiệu quả nghệ thuật/tác dụng của nó ở một câu thơ, đoạn thơ nào đó trong văn bản.

- Phân tích/trình bày cảm nhận về vẻ đẹp/ý nghĩa của một hình tượng/biểu tượng nghệ thuật trong đoạn thơ, bài thơ.

- Phân tích mạch cảm xúc và nêu chủ đề/cảm hứng chủ đạo của văn bản.

Khi xử lí các nội dung/vấn đề đọc hiểu nêu trên, một yêu cầu cơ

bản, một phương pháp chung cần đặc biệt lưu ý là cần ý thức đầy đủ, từ đó đảm bảo sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình thức của văn bản. Như một nếp tư duy truyền thống, một thói quen bấy lâu nay, khi phân tích tác phẩm văn học, chúng ta thường chia ra các yếu tố thuộc nội dung, các yếu tố thuộc hình thức. Kỳ thực, trong tác phẩm văn học như một chỉnh thể sinh động, nhiều khi khó lòng tách bạch một cách rõ ràng, tuyệt đối như thế. Cần nhận thức rõ về sự thâm nhập lẫn nhau, thống nhất hữu cơ giữa hai phương diện, giữa các yếu tố này. Phân tích nội dung tức là giảng giải, đánh giá một nội dung đang được biểu hiện qua một hình thức cụ thể. Phân tích hình thức chính là xem xét quá trình thâm nhập của hình thức ấy vào nội dung, đánh giá sức mạnh biểu đạt nội dung của hình thức ấy. Trong các thể loại văn chương, mối quan hệ biện chứng, tự nhiên giữa hai phương diện nội dung – hình thức (nếu quy ước tách chia như thế về lý thuyết) có lẽ được thể hiện rõ rệt, thú vị nhất trong thơ trữ tình. Điều hồn ấy, cảm xúc ấy tất nhiên, tự nhiên sẽ thốt lên thành ngôn từ ấy, sẽ phả ra thành nhịp điệu, giọng điệu ấy. Một tâm hồn đa cảm, giàu cảm xúc lãng mạn, một ngòi bút thơ tài hoa như Quang Dũng khi miêu tả người lính Tây Tiến – những chàng trai dũng cảm và hào hoa, phong thái có chút ngang tàng – tự nhiên sẽ viết “*súng ngửi trời*” (*ngửi* chứ không *đụng*, không *chạm*). Chữ “*ngửi*” toát lên chút tinh nghịch, mang vẻ trêu đùa, thách thức với gian khổ. Và đó là chất thép, chất lãng mạn của tâm hồn người lính... Cách xây dựng hình ảnh, việc sử dụng ngôn ngữ, các biện pháp nghệ thuật trong thơ thường gắn với một trạng thái tâm hồn cụ thể, với phong cách riêng của nhà thơ, bao giờ cũng thống nhất với tình cảm, suy ngẫm muốn biểu đạt. Vì thế, khi xác định, phân tích các yếu tố này, cần cảm nhận được ý nghĩa, chỉ ra được hiệu quả nghệ thuật (tác dụng) của chúng. Chẳng hạn, phân tích phép điệp (điệp từ, điệp ngữ) ở đoạn thơ sau trong bài *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi):

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa...*

Điệp từ chỉ định “*đây*” có ý nghĩa xác định rõ ràng, cụ thể. Điệp ngữ “*là của chúng ta*” nhằm khẳng định một cách mạnh mẽ, dứt khoát. Điệp từ “*Những*” đứng đầu ba dòng thơ tạo nên giọng điệu liệt kê, thể hiện số nhiều. Đọc đoạn thơ, ta hình dung nhân vật trữ tình đang ngẩng đầu nhìn trời xanh, đang bao quát khắp núi rừng, khắp những

không gian rộng lớn, hình ảnh đẹp tươi của đất nước mà tự hào khẳng định quyền sở hữu. “*Chúng ta*” ở đây chính là bao con người lao động khổ nghèo, được Cách mạng giải phóng khỏi gông xiềng áp bức, nay đứng lên làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh mình... Chẳng hạn, trình bày cảm nhận về biện pháp so sánh ở đoạn thơ mở đầu bài *Mẹ* của Nguyễn Ngọc Oánh:

*Cành bàng thả lá heo may
Mẹ gầy, cái dáng khô gầy cành tre
Gót chai nứt nẻ đông hè
Ruộng sâu bấm mái đã toè gót chân...*

Cần thấy rằng “*dáng khô gầy cành tre*” thật phù hợp khi miêu tả người mẹ thôn quê Việt Nam. So sánh này gợi cho ta nhiều liên tưởng, rung động về mẹ (gầy khô, vất vả trong cuộc sống, se sắt theo thời gian mà cũng thật dẻo dai, bền bỉ,...).

Như vậy, hiểu một biện pháp nghệ thuật không thể dừng lại ở trả lời nó là gì mà phải tiến tới phân tích nó có hiệu quả/tác dụng như thế nào. Và đó thực chất chính là hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản. Trong thực tế làm bài, không ít học sinh còn chưa đạt đến điều này.

Trong mức thông hiểu, khi gặp yêu cầu chỉ ra mạch cảm xúc của văn bản thơ thì phải chú ý bố cục, chú ý diễn biến, sự vận động của hình tượng trong đoạn thơ, bài thơ. Mạch cảm xúc gắn liền cùng cảm hứng chủ đạo của nhà thơ, nghĩa là điều chủ yếu nhà thơ muốn gửi gắm qua tác phẩm.

3. Mức vận dụng

Yêu cầu này không “đóng khung” trong phạm vi văn bản nữa mà đòi hỏi sự mở rộng, liên hệ, đòi hỏi những suy nghĩ của cá nhân.

- Mở rộng, liên hệ từ một hình ảnh, một nội dung nào đó trong văn bản thơ (có thể so sánh với một số bài thơ khác).

- Trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của một nội dung/vấn đề từ văn bản, suy nghĩ về giá trị của bài thơ đối với bản thân và người đọc hiện nay.

Khi làm bài, đối với các câu ở mức vận dụng, cần trình bày những cảm nhận, suy nghĩ sát với vấn đề nêu ra, tránh bình tán chung chung. Cũng như đối với phần mở rộng, liên hệ ở bài văn nghị luận xã hội, không ít học sinh dễ sa vào lối viết hô hào, sáo rỗng khi xử lý yêu cầu vận dụng này ở đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

Trong hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên và các kì thi môn Ngữ văn ở các cấp phổ thông, đối với thơ trữ tình còn có dạng thơ cách luật chủ yếu thuộc thời kì trung đại. Khi đọc hiểu dạng thơ này, cần

vận dụng những tri thức về cuộc đời, con người tác giả, về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Đặc biệt, chỉ có thể cảm nhận, phân tích đúng thơ cách luật (thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú,...) trên cơ sở nắm vững đặc điểm kết cấu có tính quy phạm của nó (chức năng của từng phần đề, thực, luận, kết và mối liên hệ giữa chúng trong chỉnh thể tác phẩm).

C. Một số ví dụ về đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

Vi dụ 1: Đọc bài thơ sau của Nguyễn Trãi trong tập *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu răn mình):

*Chân mềm ngại bước dặm mây xanh⁽¹⁾
Quê cũ tìm về, cảnh cũ thanh⁽²⁾
Hương cách gác vân thu lạnh lạnh
Thuyền kẻ bãi tuyết, nguyệt chênh chênh.
Ân tư⁽³⁾ là ấy yêu dường chúa,
Lỗi thác vì nơi lụy bởi danh.
Bui có một niềm trung, hiếu cũ,
Chẳng nằm, thức dậy, néo ba canh.*

(*Bảo kính cảnh giới*, Bài số 31 – *Thơ Quốc âm Nguyễn Trãi*,
Bùi Văn Nguyên (biên khảo, chú giải, giới thiệu),
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994, tr.125)

Chú giải:

⁽¹⁾ *Dặm mây xanh*: dịch chữ “thanh vân”, chỉ việc làm quan.

⁽²⁾ *Thanh*: thanh bạch.

⁽³⁾ *Ân tư*: chính là “ân tứ” (chữ Hán) nghĩa là ơn vua ban xuống. Đây đọc là “tư” (thanh bằng) cho hợp niêm. “Ân tư” đối lại với “lỗi thác” (sự sai lầm lớn) ở câu dưới.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2: Hai câu đề (1, 2) và hai câu thực (3, 4) cho anh/chị hiểu như thế nào về hoàn cảnh, cuộc sống của tác giả bài thơ?



Câu 3: Tác giả thể hiện nhận thức về điều gì ở phần luận (câu 5, 6) của bài thơ?

Câu 4: Phân tích nỗi lòng của tác giả qua phần kết (câu 7, 8) của bài thơ.

Câu 5: Đọc bài thơ, anh/chị thấy mình có thể học tập được những gì ở Nguyễn Trãi?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1: Bài thơ được làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 2: Đọc các chú thích, cảm nhận đúng các hình ảnh ở hai câu đề, hai câu thực để hiểu hoàn cảnh, cuộc sống của tác giả bài thơ.

– Cảm thấy mình không đủ sức, không ưa thích sự đua tranh công danh ở chốn quan trường; tìm về nơi yên lành, nơi thiên nhiên thanh sạch, thân thuộc.

– Cuộc sống lặng lẽ, gần gũi với đất trời, thiên nhiên trong trẻo.

Câu 3: Chú ý thủ pháp đối ở hai câu thơ: Chịu ơn vua nên cần đền đáp, nhưng phải chiều lụy vì công danh lại là lỗi lớn. Phần luận này chứa đựng chút mâu thuẫn, thể hiện nhận thức về cảnh ngộ, về cách ứng xử của mình.

Câu 4: Nỗi lòng của tác giả: Rời khỏi triều đình, xa lánh công danh nhưng duy chỉ có (bui) tấm lòng trung hiếu với vua, với nước vẫn luôn thao thức, vẫn luôn day dứt hằng đêm. Nỗi lòng này thể hiện ý thức trách nhiệm với quốc gia, với nhân dân, mà cũng là trách nhiệm với chính mình khi còn sống trên cõi đời của Nguyễn Trãi.

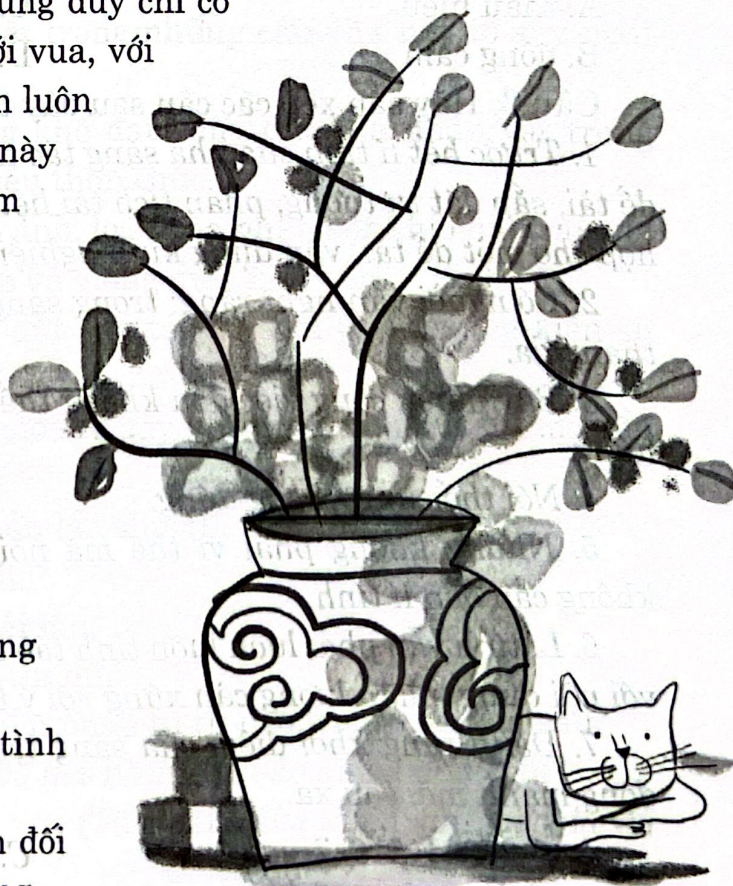
Câu 5: Có thể nêu nhiều bài học đáng quý khi đọc bài thơ.

– Bài học về tìm kiếm công danh, lập nghiệp.

– Bài học về lối sống, về tình cảm đối với thiên nhiên.

– Bài học về trách nhiệm đối với đất nước, đối với cộng đồng.

(Còn nữa, xem tiếp số sau)





Thủ sức trước kì thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT Chuyên Ngoại ngữ

Môn Ngữ văn; năm 2026

(Thời gian làm bài: 120 phút)

ThS. Nguyễn Thị Thuỷ Anh

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (15 câu)

Chọn 01 đáp án (A, B, C hoặc D) phù hợp nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Chọn một từ mà nghĩa của nó **không** cùng nhóm với các từ còn lại.

A. thấu hiểu

C. nhân nhượng

B. đồng cảm

D. thương xót

Câu 2. Hãy sắp xếp các câu sau đây theo trình tự logic hợp lí:

1. Trước hết lí tính của nhà sáng tạo tác động trong khi suy nghĩ về đề tài, sắp đặt tư tưởng, phân tích tài liệu, nghiên cứu hình thức thích hợp cho một đề tài, vận dụng kinh nghiệm về bút pháp,...

2. Có người vẫn nghĩ rằng: trong sáng tác văn nghệ, lí tính không tham gia.

3. Bất nhiêu công việc đều không thể hoàn toàn phó thác cho cảm hứng.

4. Nói thế cũng không đúng.

5. Nhưng không phải vì thế mà nói rằng tác phẩm nghệ thuật không cần đến lí tính.

6. Lí tính vẫn phải luôn luôn tỉnh táo để làm cho hình thức phù hợp với nội dung, phân lượng cân xứng với ý thức.

7. Đành rằng khởi điểm của sáng tạo nghệ thuật vẫn là một xúc động mạnh mẽ, sâu xa.

A. 1-2-3-4-5-6-7

C. 5-1-2-4-3-6-7

B. 2-4-6-1-3-5-7

D. 2-4-7-5-1-3-6

Câu 3. Nghĩa của từ “cao thượng” là gì?

- A. Có năng lực hành động, đối phó hơn hẳn mức bình thường.
- B. Kiêu kì, ngạo mạn, tự coi là hơn hẳn người khác.
- C. Cao cả, vượt hẳn lên trên những cái tầm thường, nhỏ nhen về phẩm chất, tinh thần.
- D. Người tài giỏi, có khả năng hành động và ứng phó hơn hẳn người thường.

Câu 4. Câu tục ngữ “*Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng/ Ngày tháng mười chưa cười đã tối*” nhằm giải thích điều gì?

- A. Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
- B. Sự khác nhau giữa buổi sáng và buổi tối.
- C. Sự khác nhau giữa mùa hè và mùa đông.
- D. Sự khác nhau giữa tháng năm và tháng mười.

Câu 5. Dòng nào nêu đúng tác dụng của nghệ thuật điệp ngữ trong đoạn văn sau?

“*Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.*”

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*)

- A. Tạo giọng điệu tha thiết trong những câu văn bày tỏ suy nghĩ của nhân vật người anh.
- B. Nhấn mạnh tâm trạng khổ đau, day dứt của nhân vật trong hoàn cảnh chia li với giọng điệu thổn thức.
- C. Tạo ấn tượng về nỗi ám ảnh, lo sợ của nhân vật khi phải trải qua một cơn ác mộng khủng khiếp và giọng điệu hỗn hển.
- D. Bày tỏ tâm trạng day dứt của tác giả khi phải chứng kiến sự chia tay của hai anh em.

Câu 6. Từ “tái” trong câu nào sau đây **không** có nghĩa là “lại một lần nữa”?

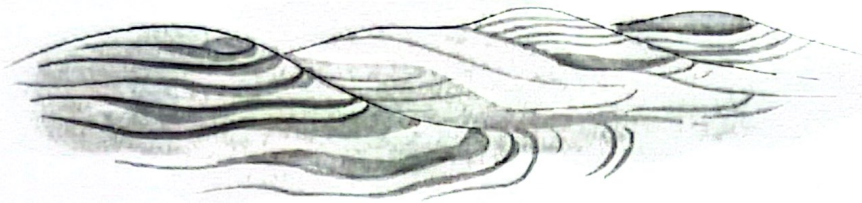
- A. Cuốn sách này đã tái bản lần thứ 10.
- B. Cô ấy như được tái sinh.
- C. Công ti này mới được tái lập.
- D. Mặt nó tái đi khi nghe tin dữ.

Câu 7. Tác giả đã dùng biện pháp tu từ nào trong câu văn sau?

“*Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui*”.

(Tô Hoài, *Mùa xuân xinh đẹp đã về*)

- A. Chơi chữ
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ



Câu 8. Thành ngữ “Lúng búng như ngậm hột thị” có liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng
- B. Phương châm cách thức
- C. Phương châm quan hệ
- D. Phương châm lịch sự

Câu 9.

*Tan sương sẽ vén sợi màn
Véo von chim gọi long lanh chan hoà
Tay xoè hứng nắng thêu hoa
Bóng ta đứng đỉnh đạo qua Mặt Trời.*

(Lưu Thiện Vương, *Đạo qua Mặt Trời*)

Các phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn thơ trên:

- A. Miêu tả, biểu cảm
- B. Miêu tả, thuyết minh
- C. Tự sự, biểu cảm
- D. Biểu cảm, thuyết minh

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 10 đến Câu 12:

Hẳn rằng người hút thuốc lá không lẫn dùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu. Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Trong khói thuốc lá lại có chất ô-xít các-bon, chất này thấm vào máu, bám chặt các hồng cầu không cho chúng tiếp cận ô xi nữa. Không lạ gì sức khoẻ của người nghiện thuốc ngày càng sút kém.

Thấm vào các tế bào, chất hắc ín lại thường gây ra ung thư. Ta đến bệnh viện K sẽ thấy rõ: Bác sĩ viện trưởng cho biết trên 80% ung thư vòm họng và ung thư phổi là do thuốc lá.

Ta đến Viện Nghiên cứu các bệnh tim mạch, bác sĩ viện trưởng cho biết: Chất ni-cô-tin của thuốc lá làm các động mạch co thắt lại, gây những bệnh nghiêm trọng như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim. Có thấy một bệnh nhân bị tắc động mạch chân lên những cơn đau như thế nào, rồi phải cắt dần từng ngón chân đến cả bàn chân; có thấy những người 40 - 50 tuổi đã chết đột xuất vì nhồi máu cơ tim; có thấy những khối ung thư ghê tởm mới nhận ra tác hại ghê gớm của thuốc lá.

Không cần nhắc đến những việc nghiêm trọng như vậy, chỉ riêng bệnh viêm phế quản của hàng triệu người cũng đã làm mất bao nhiêu ngày công lao động và tổn hao sức khoẻ cộng đồng.

(Nguyễn Khắc Viện, Ôn dịch, thuốc lá)

Câu 10. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Tác hại của việc hút thuốc lá đối với sức khoẻ của con người.
- B. Tác hại của việc hút thuốc lá đối với nền kinh tế của một đất nước.
- C. Tác hại của việc hút thuốc lá đối với nền giáo dục của một đất nước.
- D. Tác hại của việc hút thuốc lá đối với nền chính trị của một đất nước.

Câu 11. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu văn đầu tiên của đoạn trích?

- A. Nhân hoá
- B. So sánh
- C. Liệt kê
- D. Ẩn dụ

Câu 12. Tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu văn đầu tiên của đoạn trích là gì?

- A. Những tác hại mà thuốc lá gây ra đối với sức khoẻ của con người không giống như tác hại của rượu.
- B. Người nghiện thuốc lá không có những biểu hiện giống với người nghiện rượu.
- C. Thuốc lá không làm cho người hút bị nghiện như nghiện rượu.
- D. Thuốc lá không gây chết người ngay nhưng cũng có tác hại ghê gớm, làm sức khoẻ của người hút ngày càng sút kém.

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 13 đến Câu 15:

Khi chúng ta chỉ nhìn thấy những điều hạn chế của thế giới hoặc của chính mình, thì vẫn có những con người, với lòng dũng cảm và trí tưởng tượng vô biên, kiên trì bám trụ từng ngày và không ngừng khám phá những điều mới mẻ, đạt được những ước mơ to lớn, bất chấp lời cảnh báo rằng họ sẽ “không thể nào thành công”. Những tấm gương minh chứng cho ý chí không lùi bước của con người hiển hiện ở khắp nơi, trong xã hội xung quanh, trong gia đình hoặc trong chính bản thân chúng ta. Bằng ý chí không lùi bước, con người đã tạo ra được những “phép nhiệm màu” tưởng như không thể. Chúng ta nghiên cứu ra phương cách chữa trị cho nhiều căn bệnh nan y, phát minh ra hàng ngàn máy móc phục vụ nhân loại và xây những con đường băng qua núi non, biển cả. Chúng ta đã lập nên mạng thông tin liên lạc và du lịch toàn cầu, đặt chân lên khám phá mặt trăng và đang vươn xa tìm

hiểu cả những hành tinh xa xôi hơn nữa trong thái dương hệ. Khả năng của con người là vô tận nếu chúng ta biết khám phá và tận dụng nó. Và không có trở ngại nào là không thể vượt qua đối với những người mang tinh thần không lùi bước.

(Cynthia Kersey, *Không lùi bước*, NXB trẻ, 2006, tr.6-7)

Câu 13. Đoạn trích trên được viết theo thao tác lập luận nào?

A. Diễn dịch B. Quy nạp C. Phối hợp D. Song hành

Câu 14. Câu nào nêu rõ nhất quan điểm của tác giả về khả năng của con người?

A. Những tấm gương minh chứng cho ý chí không lùi bước của con người hiển hiện ở khắp nơi, trong xã hội xung quanh, trong gia đình hoặc trong chính bản thân chúng ta.

B. Bằng ý chí không lùi bước, con người đã tạo ra được những “phép nhiệm màu” tưởng như không thể.

C. Chúng ta nghiên cứu ra phương cách chữa trị cho nhiều căn bệnh nan y, phát minh ra hàng ngàn máy móc phục vụ nhân loại và xây những con đường băng qua núi non, biển cả.

D. Khả năng của con người là vô tận nếu chúng ta biết khám phá và tận dụng nó.

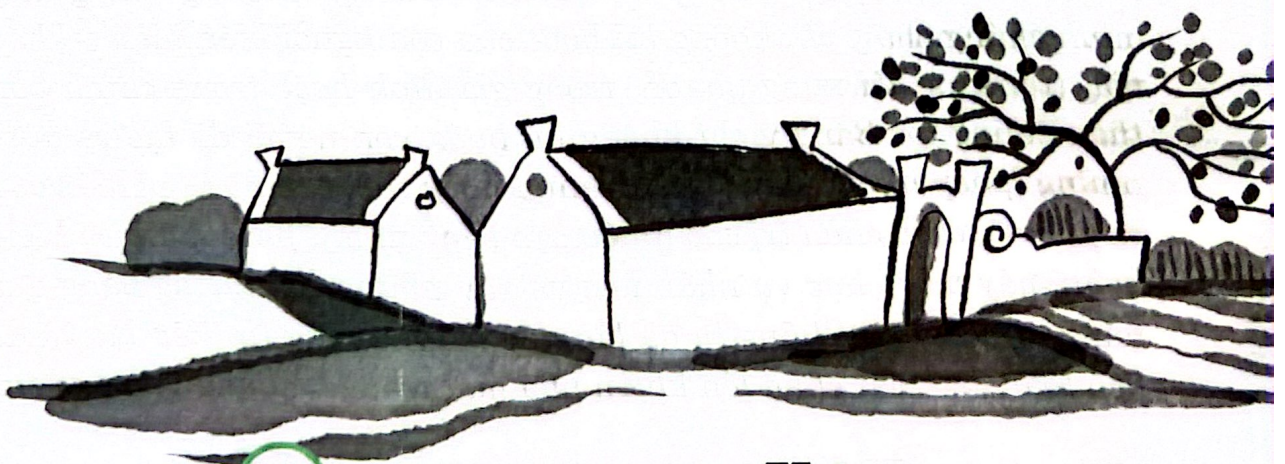
Câu 15. Bài học nào **không** phù hợp với chúng ta sau khi đọc đoạn trích trên?

A. Con người không ai hoàn hảo, mỗi người đều có hạn chế ở phương diện nào đó.

B. Không nên chỉ nhìn vào sự hạn chế của bản thân mà quên mất rằng mình có khả năng làm nên những điều phi thường.

C. Tin tưởng vào khả năng của chính mình để khám phá những điều mới mẻ và đạt được ước mơ, cho dù người khác nói rằng mình không thể.

D. Liều lĩnh sẽ giúp chúng ta trở thành con người có tinh thần không lùi bước.



II. PHẦN VIẾT (02 câu)

Câu 1. Nghị luận văn học

Chiều núi mưa rào

Kỳ Sơn mây kéo nặng
Hoa trầu rụng đầy đường
Sấm đầu mùa đã động
Sao động lòng tha hương?
Đôi sấn ướt sũng lá
Gà ướt cánh nép hiên
Chim xào xạc trốn biệt
Mưa giăng màn triền miên

Nằm đợi ven sông Đà
Thuyền mờ trong sóng vỗ
Mưa bao giờ cho yên
Một chặng đường mưa gió.

(Quang Dũng, nguồn Góc nhìn,
số 479, năm 2023)



Phân tích khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng của nhân vật trữ tình (viết trong khoảng 250 chữ).

Câu 2. Nghị luận xã hội

Siêu trí tuệ Hà Việt Hoàng: “Áp lực sẽ luôn được tạo ra trong cuộc sống, chỉ là nhiều hay ít mà thôi. Nếu áp lực càng nhiều thì càng thôi thúc em trưởng thành và biết cách quản lý bản thân để vượt qua những áp lực đó”.

Em hãy viết một bài văn nghị luận xã hội 500 chữ, trình bày về vấn đề áp lực và các giải pháp để vượt qua.



I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (15 câu)

Câu 1. C; Câu 2. D; Câu 3. C; Câu 4. C; Câu 5. B; Câu 6. D; Câu 7. C; Câu 8. B; Câu 9. A; Câu 10. A; Câu 11. C; Câu 12. A; Câu 13. C; Câu 14. D; Câu 15. C.

II. PHẦN VIẾT (02 câu)

Câu 1. Bài viết cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:

- Bài thơ *Chiều núi mưa rào* (Quang Dũng) vẽ nên một khung cảnh thiên nhiên vùng núi Kỳ Sơn đầy ấn tượng. Ở khổ đầu, những hình ảnh thiên nhiên rừng núi như mây, hoa trầu, đôi sắn, gà, chim được nhân hoá hiện lên rất có hồn. Âm thanh, “*sấm đầu mùa đã động*”, tiếng “*xào xạc*” của bầy chim trốn biệt là sự xao động, chuyển biến có nét thơ rất riêng của khung cảnh bản làng Kỳ Sơn vào đầu hạ. Trong đất trời mờ mịt mưa giăng, hình ảnh con thuyền mờ trong sóng nước sông Đà càng làm tăng thêm cảm giác mênh mang, vô định.

- Giữa thiên nhiên ấy, nhân vật trữ tình mang một tâm trạng bàng khuâng, man mác buồn của kẻ lữ thứ. Nỗi nhớ quê hương được gọi lên qua câu hỏi tu từ: “*Sao động lòng tha hương?*”. cơn mưa đầu mùa như khơi dậy bao nỗi niềm. Cái triền miên của mưa phải chăng cũng là cái không yên của tâm trạng cô đơn, trống trải, chờ đợi trong mưa gió. Nỗi buồn ấy không ồn ào, bi lụy mà thấm đượm vẻ trầm lắng, sâu xa, hoà quyện cùng thiên nhiên để tạo nên một bức tranh vừa hùng vĩ, vừa giàu chất thơ.

Câu 2. Bài viết cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:

- Giải thích vấn đề nghị luận:

+ “*Áp lực*” là những sức ép từ những yêu cầu, kì vọng có thể xuất phát từ công việc, học tập, gia đình hoặc xã hội.

+ Câu nói này nhấn mạnh rằng áp lực là điều không thể tránh khỏi trong cuộc sống. Mỗi người sẽ gặp phải áp lực, chỉ khác nhau về mức độ. Tuy nhiên, nếu biết quản lí áp lực một cách tích cực, nó sẽ trở thành động lực giúp con người trưởng thành và hoàn thiện bản thân.

- Bàn luận về vai trò của áp lực:

Thực tế cho thấy, áp lực có thể trở thành động lực giúp con người phát triển, nhưng cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến căng thẳng, lo âu và thậm chí là suy sụp tinh thần. Vì vậy, việc nhận diện và tìm cách quản lí áp lực, tìm ra phương pháp phù hợp để giải toả áp lực và giữ cân bằng cuộc sống là điều vô cùng quan trọng. Đây là những tấm gương trong số hàng triệu con người đã biến áp lực thành động lực để thành công.

Lấy dẫn chứng thuyết phục (Ví dụ: *Nguyễn Thị Ánh Viên - nữ kinh ngư xuất sắc của Việt Nam và em trai là Nguyễn Quang Thuấn, vận động viên bơi lội trẻ đang tiếp bước chị, giành nhiều huy chương Vàng SEA Games, được thăng hàm quân nhân chuyên nghiệp, trở thành niềm hi vọng mới của bơi lội Việt Nam*).

- Đề xuất các giải pháp:

+ Trước hết, cần học cách quản lí thời gian hiệu quả. Một kế hoạch cụ thể giúp con người làm việc khoa học, tránh bị quá tải. Bên cạnh đó, thay vì cố gắng làm hài lòng tất cả, chúng ta cần học cách nói “không” với những điều nằm ngoài khả năng của mình.

+ Thay đổi trong tư duy: xem áp lực là một điều tất yếu, học cách chấp nhận thất bại, rút ra bài học và kiên trì thực hiện mục tiêu.

+ Chia sẻ cảm xúc với người thân, thầy cô, bạn bè là một cách giúp giải toả căng thẳng. Khi tâm sự với người khác, ta không chỉ nhận được lời khuyên mà còn cảm thấy được thấu hiểu, an ủi.

+ Ngoài ra, việc rèn luyện thể chất và tinh thần, tham gia các hoạt động giải trí giúp giảm căng thẳng và tái tạo năng lượng tích cực. Đôi khi, chỉ cần dành thời gian nghỉ ngơi, đọc sách hoặc du lịch cũng giúp tâm trí thư giãn, lấy lại cân bằng.

+ Điều quan trọng nhất là không ngừng cố gắng trong học tập và rèn luyện. Chỉ có việc tích lũy đầy đủ hành trang về tri thức - kĩ năng - thái độ mới giúp con người tự tin, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn, áp lực của đời sống và chinh phục đỉnh cao.

Ví dụ: *Học sinh các trường chuyên như Chuyên Ngoại ngữ, Chuyên Lê Hồng Phong,... thường phải đối mặt với những kì thi có yêu cầu cao, cùng áp lực cạnh tranh khốc liệt. Tuy nhiên, các em đã vượt qua những áp lực đó bằng việc quản lí thời gian hiệu quả, xây dựng kế hoạch học tập khoa học và duy trì lối sống cân bằng giữa học tập và nghỉ ngơi. Cách các em đối diện với áp lực không chỉ thể hiện ở sự nỗ lực tự thân mà còn ở việc chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè và gia đình. Các em hiểu rằng việc chia sẻ khó khăn, làm việc nhóm để giải quyết vấn đề không chỉ giúp giải toả căng thẳng mà còn mở ra nhiều góc nhìn mới, góp phần nâng cao kiến thức.*



Thủ sức trước kì thi Tốt nghiệp THPT

Môn: Ngữ văn; năm 2026

(Thời gian làm bài: 120 phút)

Đỗ Thị Hương Giang

GV. Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, Ninh Bình

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Khuôn mặt em

Giữa những ngày dài dằng dặc
Chỉ còn khuôn mặt em
Sáng trong và bình lặng

Dù hai đứa chúng ta
Chưa lúc nào sung sướng
Những ngày đau khổ ấy
Khuôn mặt em
Như mảnh trăng những đêm rừng cháy

Trên đường đi
Anh đặt em trên đồng cỏ
Thấy đẹp mãi màu xanh cỏ dại

Trên đường đi
Anh đặt em trên dốc núi
Để tìm lại những đường mềm của núi

Trên đường đi
Khuôn mặt em làm giếng
Để anh tìm lấy đáy ngọc châu
Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng
Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng.

(Văn Cao, in trong *Thơ Việt Nam 1975 – 2015*,
NXB Hội Nhà văn, tr.131)



Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. Nhân vật trữ tình cảm nhận như thế nào về “khuôn mặt em” trong “những ngày dài dằng dặc” và “những ngày đau khổ”?

Câu 3. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình tượng “khuôn mặt em” trong bài thơ.

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp lặp cấu trúc được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Trên đường đi
Anh đặt em trên đồng cỏ
Thấy đẹp mãi màu xanh cỏ dại

Trên đường đi
Anh đặt em trên dốc núi
Để tìm lại những đường mềm của núi



Câu 5. Thông điệp từ hai câu thơ “Ôi gương mặt sáng trong và bình lặng/ Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng” có ý nghĩa gì đối với anh/chị?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích sự tương đồng về cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình trong hai đoạn thơ sau:

Trên đường đi
Khuôn mặt em làm giếng
Để anh tìm lấy đáy ngọc châu

(Văn Cao, *Khuôn mặt em*)

Thế giới này không còn chỗ bình yên, em là nơi anh tị nạn.

Kỉ niệm cứu rỗi chúng ta, nó lưu giữ thứ ánh sáng làm cho gương mặt ta mãi mãi là gương mặt con người.

(Trương Đăng Dung, *Em là nơi anh tị nạn*)

Câu 2 (4,0 điểm)

Mối nguy hiểm lớn hơn đối với hầu hết giới trẻ không nằm ở việc đặt mục tiêu quá cao và không đạt được mục tiêu mà là đặt mục tiêu quá thấp và đạt được mục tiêu của mình.

(Nguyễn Lâm Dũng, *Giá trị của tuổi trẻ*)

Từ ý kiến của GS. Nguyễn Lâm Dũng, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) với chủ đề: người trẻ và việc xác lập mục tiêu cho cuộc đời mình.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ: nhân vật xưng anh/tôi.

Câu 2. Cảm nhận của nhân vật trữ tình về khuôn mặt em: “những ngày dài dằng dặc” – khuôn mặt em sáng trong và bình lặng; “những ngày đau khổ” – khuôn mặt em như mảnh trăng những đêm rừng cháy.

Câu 3. “Khuôn mặt em” biểu tượng cho tình yêu, cái đẹp, nghệ thuật,... những giá trị tinh thần giúp nâng đỡ, trợ lực cho con người.

Câu 4. Biện pháp lập cấu trúc: “Trên đường đi/ Anh đặt em trên...”.

Tác dụng: tạo sự liên kết giữa các đoạn thơ, góp phần hình thành giọng điệu trữ tình sâu lắng; nhấn mạnh sự hiện diện của “em”, qua đó làm nổi bật sức sống, sự dịu dàng và vẻ đẹp trên mỗi hành trình đời sống; đồng thời thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhân vật trữ tình đối với tình yêu, cái đẹp và nghệ thuật.

Câu 5. Học sinh nêu thông điệp từ hai câu thơ và ý nghĩa của thông điệp đối với bản thân. Có thể theo hướng sau:

– Thông điệp: sự sáng trong, bình lặng của “em”, của tình yêu, cái đẹp, nghệ thuật... là những vẻ đẹp thuần khiết, những giá trị vĩnh cửu trong đời sống con người.

– Ý nghĩa đối với bản thân: biết hướng tới tình yêu, cái đẹp, nghệ thuật và những giá trị tinh thần khác; biết nuôi dưỡng, vun đắp những giá trị ấy để cuộc sống của bản thân trở nên phong phú, có ý nghĩa...

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Người viết cần triển khai đoạn văn theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận.

* Phân tích sự tương đồng về cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình trong hai đoạn trích:

– Tình yêu, nghệ thuật, cái đẹp đem đến cho tâm hồn nhân vật trữ tình sự bình yên: khuôn mặt em làm giăng, em là nơi anh tị nạn.

– Tình yêu, nghệ thuật, cái đẹp có khả năng cứu rỗi và hướng con người đến với những giá trị cao quý: tìm đáy ngọc châu, lưu giữ thứ ánh sáng làm cho gương mặt ta mãi mãi là gương mặt con người.

* Đánh giá về sự tương đồng trong cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình ở hai đoạn thơ:

– Cả hai tác giả đều khẳng định vẻ đẹp và giá trị của tình yêu trong đời sống con người.

– Cảm xúc và suy tưởng của hai nhà thơ được thể hiện bằng ngôn từ mới mẻ, hình ảnh giàu sức gợi, giọng điệu vừa trữ tình vừa triết lí, đem đến cho người đọc một mỹ cảm hiện đại.

* Sáng tạo: có những ý tưởng đột phá, sáng tạo nhưng phải đảm bảo có sức thuyết phục; có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo.

Câu 2. Người viết cần xác định đúng vấn đề nghị luận; đảm bảo yêu cầu về dung lượng; triển khai bài viết theo trình tự hợp lí, đảm bảo kĩ năng của bài văn nghị luận. Sau đây là một hướng làm:

* Giới thiệu vấn đề nghị luận và khẳng định được vấn đề nghị luận.

* Giải thích được vấn đề nghị luận:

- Mục tiêu: kết quả cụ thể mà chúng ta mong muốn đạt được ở thời điểm nhất định trong tương lai.

- Mục tiêu quá cao: mục tiêu chứa đựng những kì vọng lớn lao mà bản thân chưa đủ sức đạt được với năng lực hiện tại.

- Mục tiêu quá thấp: mục tiêu có thể dễ dàng đạt được mà không sử dụng hết năng lực vốn có của bản thân.

* Vấn đề nghị luận: người trẻ cần biết xác lập mục tiêu phù hợp để phát triển bản thân.

* Phân tích, chứng minh được vấn đề nghị luận:

- Phân tích, chứng minh ý nghĩa của việc người trẻ biết xác lập mục tiêu sống: việc xác lập mục tiêu giúp người trẻ định hình rõ tương lai, lựa chọn được hướng đi cụ thể, tránh rơi vào trạng thái hoang mang, vô định trước các ngã rẽ cuộc đời; đồng thời giúp họ sống chủ động, có kế hoạch, có động lực, biết tận dụng nguồn lực để phát triển bản thân và vươn tới thành công.

- Phân tích, chứng minh tầm quan trọng của việc xác lập mục tiêu phù hợp: đặt mục tiêu quá cao dễ gây thất vọng nhưng cũng là cơ hội để người trẻ tự nhìn nhận, rèn luyện và vượt lên chính mình; đặt mục tiêu quá thấp lại khiến họ không phát huy hết năng lực, dễ thỏa mãn và khó tạo thành tựu; vì vậy, việc đặt mục tiêu phù hợp với từng giai đoạn giúp người trẻ kiểm soát, điều hướng cuộc sống và kiên trì theo đuổi những giá trị mong muốn.

* Mở rộng, nâng cao được vấn đề nghị luận và rút ra bài học:

- Hiện nay, nhiều bạn trẻ sống thiếu mục tiêu, buông trôi và thụ động, dễ bị tác động, chi phối; trong khi đó, việc xác lập mục tiêu sống không chỉ đòi hỏi sự chủ động của bản thân người trẻ mà còn cần sự định hướng, hỗ trợ đúng đắn từ gia đình, nhà trường và xã hội.

- Đối với người trẻ, xác lập mục tiêu cần bắt đầu từ việc tìm hiểu chính mình, xác lập giá trị sống cho mình; xác định mục tiêu phải đi đôi với bắt tay hành động để đạt được mục tiêu.

* Sáng tạo: có những ý tưởng đột phá, sáng tạo nhưng phải đảm bảo có sức thuyết phục; có cách diễn đạt tinh tế, độc đáo.

Đề dự thi

Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn

ĐỀ DỰ THI – HOÀNG THỊ THUÝ

GV. Trường TH & THCS Tân Đoàn, xã Tân Đoàn, Lạng Sơn

1. Những trò chơi tuổi thơ như ô ăn quan, nhảy dây, thả diều, trốn tìm... không chỉ mang đến niềm vui mà còn góp phần nuôi dưỡng tâm hồn và hình thành nhân cách con người.

Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của trò chơi tuổi thơ đối với mỗi người trong cuộc sống hôm nay.

Gợi ý làm bài:

Giải thích vấn đề: Trò chơi tuổi thơ là những hoạt động vui chơi dân gian, giản dị gắn với những năm tháng đầu đời của mỗi người.

Ý nghĩa của trò chơi tuổi thơ:

+ Mang lại niềm vui trong sáng, giúp con người sống hồn nhiên, cân bằng cảm xúc.

+ Góp phần hình thành nhân cách: tinh thần đoàn kết, trung thực, chia sẻ, sáng tạo.

+ Lưu giữ những kí ức đẹp, trở thành điểm tựa tinh thần khi con người trưởng thành.

Liên hệ thực tế: Trong cuộc sống hiện đại, nhiều trò chơi truyền thống dần bị lãng quên trước các thiết bị công nghệ; trẻ em ít có cơ hội trải nghiệm tuổi thơ trọn vẹn.

Bài học nhận thức và hành động: Cần trân trọng, gìn giữ và tạo điều kiện để trò chơi tuổi thơ tiếp tục hiện diện trong đời sống của trẻ em hôm nay.

2. Viết đoạn văn phân tích đoạn thơ sau:

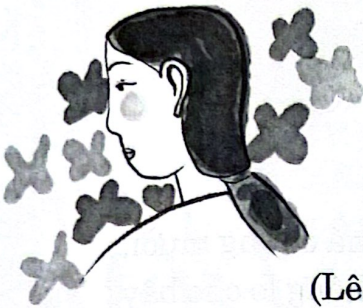
*Ôi đâu rồi những trò chơi tuổi trẻ
Những tàu chuối bẹ dừa, những mảnh chòi nhỏ bé
Những vết chân thơ ấu buổi đầu tiên
Mấy tấm mo cau là mấy chiếc thuyền
Mưa cuốn đi rồi.
Mưa chảy xuống dòng sông quê nội
Sóng nước quê hương dào dạt chảy về khơi,
Chở những kỉ niệm xưa, chìm lắng bốn phương trời.
Và ta lớn tình yêu hoà bể rộng
Cơn mưa nhỏ của quê hương ta đã sống*



Nay vỗ lòng ta rung động cả trăm sông,
Ôi cơn mưa quê hương.
Mưa là khúc nhạc của bài ca êm mát.
Những đêm ta nằm nghe mưa hát mưa ơi
Nghe mưa đập cành tre, nghe mưa rơi tàu lá,
Thầm thì rào rạt vang xa...



Có lúc bỗng phong ba dữ dội
Mưa đổ ào như thác dồn trăm lối.
Giấc mơ xưa có chớp giật, sấm găm,
Trang sử nhỏ nhà trường bỗng hoá mưa giông.
Nghe như tiếng của Cha Ông dựng nước,
Truyền con cháu phải ngẩng cao mà bước
Nghe như lời cây cỏ gió mưa.
Đang hát tiếp bài ca bất khuất ngàn xưa...



(Lê Anh Xuân, trích *Nhớ cơn mưa quê hương*, in trong *Thơ Việt Nam 1945 - 1975*, NXB Tác phẩm mới, 1970, tr. 379-380)

Gợi ý làm bài:

Đoạn văn em viết cần đạt được một số yêu cầu sau:

– Khái quát nội dung đoạn thơ: Đoạn thơ là dòng hồi tưởng da diết về trò chơi tuổi thơ, cơn mưa quê hương và những kỉ niệm gắn với quá trình trưởng thành.

– Phân tích hình ảnh thơ tiêu biểu:

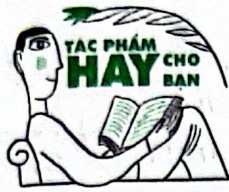
+ Những trò chơi tuổi thơ mộc mạc (“tàu chuối bẹ dừa, những mảnh chòi nhỏ bé”, “tắm mo cau là mấy chiếc thuyền”,...) gợi một tuổi thơ trong trẻo, nghèo mà giàu cảm xúc.

+ Hình ảnh “mưa quê hương” vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa biểu tượng, chở theo kỉ niệm, nuôi dưỡng tâm hồn con người.

+ Sự chuyển biến cảm xúc: Từ hoài niệm êm đềm sang âm hưởng dữ dội của mưa giông, gắn với lịch sử, truyền thống dựng nước và tinh thần bất khuất của dân tộc.

– Đánh giá: Đoạn thơ thể hiện tình yêu sâu nặng với quê hương, tuổi thơ và cội nguồn dân tộc; giọng thơ giàu cảm xúc, hình ảnh giản dị mà giàu sức gợi.





Với mong muốn mang đến bạn đọc những văn bản đặc sắc thuộc nhiều thể loại, giúp bạn có thêm nguồn ngữ liệu phong phú cho hoạt động đọc mở rộng, VH&TT số này xin giới thiệu đến bạn đọc tác phẩm **Sân nhà** của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Hãy cùng đọc và viết lời bình (khoảng 150 – 200 chữ) gửi đến VH&TT để có cơ hội nhận những phần quà hấp dẫn nhé!

Sân nhà

Tác phẩm của nhà văn **Nguyễn Ngọc Tư**

Má buồn thiết buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, “nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy...”.

Tôi cười giòn, trời đất, thiết thời gì đâu, má quên rồi sao? Những củ khoai lang còn ấm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thất thểu chất một từng lộn rau, bó cải để sấm cho con, chiếc xe đạp nhỏ – món quà từ tháng lương của ba để con tới trường... Và con có cả một vạt sân vàng nắng...

Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tầng cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giồng rau xanh biếc ngoài kia. Phía bìa sân, ba đặt cái bàn thờ Thông Thiên nho nhỏ, bát cắm nhang để giữa hai hũ gạo, muối (hết thấy mấy thứ đó cũng nhỏ xíu), buổi chạng vạng, gió phiêu phiêu mang hương nhang bay lảng đãng trước nhà. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiểng, trổ bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa. Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà. Nhưng tôi chẳng có gì tiếc nuối khi nhà mình chẳng có mai, đào,... Vạn thọ cũng có cái vui của vạn thọ (câu này tôi học trong Gala cười 2003: “Bánh giò cũng có cái giá của bánh giò”), bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn “bức tranh” sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dữ ôn vậy không biết, viền quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đoá hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi,



xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm dưa ăn cơm và... chơi chuyên).

Rồi hoa tàn, rồi mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, báo mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chặn bắt mấy con cá rô ốm nhách, dài nhằng, mình đầy nhót xằng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa,

đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nẻ. Nước lên sấm sập, ba phải kê đá tảng để có lối đi vào nhà. Không còn chỗ chơi rượt bắt, nhảy dây..., tôi bắc cái ghế ngồi học bài ngoài hàng ba, lâu lâu lại ngóng phía chân trời, coi xuyên qua đám mưa mịt mù kia, có tia nắng nào hửng lên không? Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân – thiên – đường của mình lại ráo hoanh, sạch bong cho mà coi.

Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng... Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lồng lộng phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc.

Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tạo mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con đế gáy te te hoài dưới tấm đá chẻ bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lén ra sân ạch đui nhảy dây. Suốt một mùa hạn, đám vú sữa đất mọc trên mặt sân chẳng thể nào ra lá mới, coi xo cò, tội nghiệp... (thì có sáng nào, chiều nào mà đám trẻ không chạy nhảy ở đó đâu). Coi lại, hồi nhỏ, tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy sẹo lớn nhỏ (mà, hồi “lí lịch” của chúng, lắm khi tôi còn không nhớ hết); da vừa đen vừa mốc cời mốc thếch vì lấm lem bụi đất. Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thần thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ riu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thỏm... Có bữa thấy tôi bung tởm vắt vẻo ngồi ăn trên chạc ba của cây trứng cá, má bực quá, má rầy, “con nhỏ này chỉ thiếu nước ôm mừng chiếu ra ngoài sân ngủ”...

Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thành thói chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên... Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nhảy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): “Con nhỏ này chắc Mụ bà nắn lộn”... mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng 10, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tia thưa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bùng bùng, mồ hôi chảy dài, bết bết tóc. Mỗi lần giở đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Dường như không lần nào đứng trên mảnh sân – thiên – đường của tôi, má ba không tất tả, bận bịu, lo toan,...

Nên cái hồi con mười, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?

Lời bình tác phẩm “Trong chiến hào biên giới”

(VH&TT tháng 12.2025)

1. Trong không gian chiến hào khắc nghiệt, căng thẳng, hình ảnh người lính *Trong chiến hào biên giới* của Hoàng Nhuận Cầm hiện lên thật đặc biệt, khi họ đứng giữa ranh giới sinh tử, mang trong mình cả trách nhiệm lớn lao lẫn những rung động rất người. Bài thơ thấm đẫm chất trữ tình khi người lính vẫn lắng nghe nhịp thở đất trời, mang theo kí ức về quê hương, tuổi trẻ và những điều bình dị phía sau lưng. Điều khiến bài thơ chạm đến người đọc là ở chỗ nhà thơ không lí tưởng hoá chiến tranh mà viết về những gì nó đang diễn ra. Hoàng Nhuận Cầm viết về người lính với tất cả sự chân thật: họ can đảm nhưng cũng mong manh, sẵn sàng chiến đấu nhưng vẫn khao khát hoà bình. Trong chiến hào chật hẹp ấy, con người không chỉ đối diện với kẻ thù mà còn đối diện với chính mình. Bởi vậy, bài thơ không chỉ là khúc ca về lòng yêu nước, mà còn là lời nhắc nhở dịu dàng về giá trị của sự sống, của hoà bình và của những điều tưởng như rất nhỏ bé nhưng lại vô cùng thiêng liêng.

Nguyễn Thị Ánh Ngọc

Lớp 8A3, THCS Lê Văn Thiêm,

P. Thành Sen, Hà Tĩnh

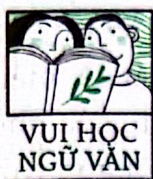
2. Hoàng Nhuận Cầm đã khép lại bài thơ *Trong chiến hào biên giới* bằng hai câu thơ giàu sức gợi: “– *Phía trước là biên giới!/- Đằng sau là cánh đồng!*”. Hình ảnh “*biên giới*” phía trước là không gian

của hiểm nguy, của cái chết cận kề; “*cánh đồng*” phía sau là biểu tượng của đời sống bình dị, của quê hương, mùa màng và những gì cần được gìn giữ. Cách đặt hai hình ảnh trong thế đối xứng đã làm nổi bật vị trí của người lính giữa ranh giới của mất mát và gìn giữ, của huỷ diệt và sinh sôi. Đặc biệt, giọng điệu đối thoại ngắn gọn, dứt khoát khiến chân lí chiến tranh hiện ra rõ nét, người lính tiến lên không phải vì phía trước có vinh quang mà vì phía sau có “*cánh đồng*”, có những người yêu thương cần họ bảo vệ. Cách kết này gợi nhớ đến hình ảnh người lính trong thơ Phạm Tiến Duật: “*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước/ Chỉ cần trong xe có một trái tim*” (Bài thơ về tiểu đội xe không kính). Đó chính là sức mạnh tinh thần được nâng đỡ bởi tình yêu đời sống phía sau chiến tuyến. Bởi vậy, khi bài thơ kết thúc, dư âm còn lại không phải là tiếng súng mà là hình ảnh cánh đồng mênh mang trải rộng trong tâm tưởng người đọc. Cánh đồng ấy trở thành biểu tượng của mọi giá trị sống bền lâu mà chiến tranh buộc con người phải đánh đổi để bảo vệ. Và người lính, trong khoảnh khắc đứng giữa “*phía trước*” và “*phía sau*”, đã làm nên vẻ đẹp của một “*con người đẹp nhất*” (Tố Hữu).

Lê Thị Minh Thuý

Lớp 11 Chuyên Văn 2, THPT

Chuyên Lam Sơn, Thanh Hoá



Thế lễ Cuộc thi Vui học Ngữ văn

Với mong muốn mở rộng không gian học tập, tạo sân chơi thú vị hoá việc học, *Tạp chí Toán học và Văn học trong nhà trường* - Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục tiếp tục tổ chức cuộc thi **Vui học Ngữ văn**. Cuộc thi hứa hẹn là một sân chơi bổ ích, lí thú giúp các bạn học sinh mở rộng kiến thức tiếng Việt, rèn luyện kĩ năng viết văn, phát huy năng lực tự học, năng lực kết nối văn học với cuộc sống.

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Học sinh THCS và THPT toàn quốc.

II. NỘI DUNG CUỘC THI

Hàng tháng, *Văn học và Tuổi trẻ* đăng tải một đề thi Vui học Ngữ văn. Đề gồm 4 phần: *Phần Một - Khởi động, Phần Hai - Khám phá, Phần Ba - Tăng tốc, Phần Bốn - Về đích.*

III. THỂ THỨC

Mỗi thí sinh chỉ được gửi một bài dự thi mỗi tháng, trình bày dưới dạng văn bản chuẩn mực, khoa học. Học sinh có thể tham gia cả bốn phần hoặc chọn tham gia phần mình yêu thích, BTC sẽ chấm riêng từng phần để trao thưởng. Bài dự thi cần ghi rõ họ tên, lớp, trường, số điện thoại và địa chỉ liên hệ.

IV. TRAO THƯỞNG

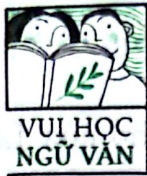
Hàng kì, BTC cuộc thi sẽ chấm và trao thưởng cho các bạn có kết quả tốt. Đặc biệt, kết thúc năm học, BTC sẽ tổng kết và trao giải cho các bạn học sinh tích cực tham gia và có bài dự thi đạt kết quả cao.

V. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI

- Bài dự thi gửi về email: vuihocnguvan2022@gmail.com hoặc gửi bài địa chỉ **Văn học và Tuổi trẻ**, 187B Giảng Võ, P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội. Số điện thoại: (024) 35122847.

- Tiêu đề thư ghi rõ: **Dự thi Vui học Ngữ văn.**

- Thời hạn nhận bài: Trước ngày 15 của tháng tiếp theo.



Vui học Ngữ văn

đề thi tháng 2.2026

Chủ đề: Tháng Giêng

PHẦN MỘT: KHỞI ĐỘNG

Tìm các động từ và tính từ được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc và cảm xúc về tháng Giêng trong hai trích đoạn sau:

Tháng Giêng gió len lỏi qua những cành xanh mướt
Thức tỉnh hương thơm trong vườn rộn ràng
Có vẻ như có một chút hương quỳnh đang lảng trôi
Gió gọi mời, sóng nghiêng, hạt sương nhẹ
Phố phường rộn ràng mừng lễ hội rục rờ
Trăm hoa nghìn lá đua sắc rực xuân
Nhưng em vẫn yếu điệu như màu thiên nhiên

(Muông Mán, Hương thơm tháng Giêng)

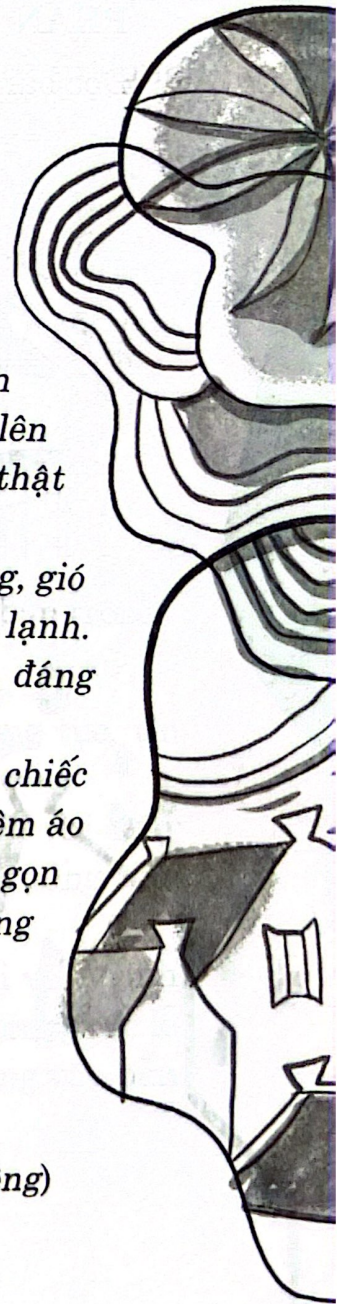
Ngày tháng Giêng, làn sương lượn lờ trước ngõ là tín hiệu của ngày mới. Sương mỏng lắm, nhẹ lắm, lững lững phủ lên cảnh vật như một tấm lụa trắng mềm yên lành vắt qua đôi vai gầy của mẹ. Sương kia dần tan biến khi những giọt nắng vàng tươi rơi rụng khắp sân vườn. Chao ôi là nắng, nắng vàng rạng rỡ, đẩy bầu trời lên cao hơn. Những lọn mây bông bênh, xóp nhẹ chuyển động thật dịu dàng, nhường không gian cho nắng.

Gió tháng Giêng vẫn hây hây thổi. Thời khắc này, nắng, gió có phần... “đồng đánh” – lúc khô rốc hanh hao, khi âm u se lạnh. Nhưng dù thế nào đi nữa thì nắng, gió tháng Giêng vẫn đáng yêu như cô gái lần đầu đến buổi hẹn.

Đêm tháng Giêng vừa đủ lạnh để cô gái làm điệu cùng chiếc áo choàng mỏng, để chàng trai lặng lẽ, tự nhiên khoác thêm áo cho người yêu. Đêm tháng Giêng, những hạt sương nằm gọn trên tán lá. Đêm không đen đặc mà thư thái, bình yên cùng bước chân ai nhẹ nhàng ngoài ngõ.

Rằm tháng Giêng, trăng vàng vạc sáng, soi rõ từng lối đi trong xóm như ban ngày. Trẻ con tụm nhau chơi trò bịt mắt bắt dê, tiếng cười ròn rã...

(Nguyễn Thị Bích Nhàn, Hương tháng Giêng)



PHẦN HAI: KHÁM PHÁ

Câu 1. Loại “khói” nào được nhắc đến trong bài thơ *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu và *Rằm tháng Giêng* của Hồ Chí Minh?

Câu 2. Đảo Sơn Ca được nhắc đến trong những vãn thơ của Lê Cảnh Nhạc: “*Anh lính trẻ đứng canh chim làm tổ/ Tiếng chim rơi nòng súng ngỡ sáo diều/ Đảo Sơn Ca vẫn bốn mùa lạnh lót/ Chim và người xây cột mốc tiền tiêu*” thuộc đặc khu nào của nước ta?

Câu 3. Công trình nào được nhắc đến trong câu ca dao “*Vạn Niên là Vạn Niên nào?/ Thành xây xương lính, hào đào máu dân*”?

Câu 4. Câu thơ “*Cỏ non xanh tận chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*” của Nguyễn Du là nói tới mùa nào trong năm?

Câu 5. Câu tục ngữ “*Qua Giêng hết năm, qua rằm hết tháng*” muốn nói lên điều gì?

Câu 6. Nhà thơ Việt Nam nào được gọi là người “*kê cao quê hương*” bằng thơ?

PHẦN BA: TĂNG TỐC

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Mưa tháng Giêng

*Tháng Giêng mưa ngoài phố
Mưa như là sương thôi
Những bóng cây dáng khói
Như mộng du bên trời*

*Tháng Giêng ngày mông quá
Nỗi buồn nghe cũ rồi
Mà bên kia tờ lịch
Nỗi niềm mưa xốt rơi*



Tháng Giêng mưa trên tóc
Những người đi lễ chùa
Theo giọt mưa cầu phúc
Tiếng chuông từ bi mơ

Tháng Giêng mưa dưới bến
Mỏng mai cô lái đò
Mắt mưa em lúng liếng
Trói tôi bằng vu vơ

Tháng Giêng mưa như cỏ
Non xanh đến tận trời
Trước vô cùng năm tháng
Thơ mình – sương khói thôi

(Nguyễn Việt Chiến, nguồn: *thivien.net*)



1. Xác định thể thơ của văn bản trên?
2. Chỉ ra và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Tháng Giêng mưa ngoài phố
Mưa như là sương khói
Những bóng cây dáng khúi
Như mộng du bên trời

3. Nêu nội dung của những dòng thơ sau:

Tháng Giêng mưa như cỏ
Non xanh đến tận trời
Trước vô cùng năm tháng
Thơ mình – sương khói thôi



4. Nhận xét về tình cảm của tác giả thể hiện trong văn bản trên.

PHẦN BỐN: VỀ ĐÍCH

Tháng Giêng – mùa của lễ hội, nơi hội tụ những phong tục, tín ngưỡng và vẻ đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc.

Có ý kiến cho rằng: “Lễ hội tháng Giêng không chỉ là cuộc vui ngày xuân mà còn là nơi lưu giữ kí ức văn hoá và nuôi dưỡng đời sống tinh thần của cộng đồng.”

Từ hiểu biết và trải nghiệm của mình, em hãy viết bài văn trình bày cảm nhận về vẻ đẹp và ý nghĩa của văn hoá cổ truyền trong các lễ hội tháng Giêng ở quê hương, có thể trích dẫn một đoạn trong văn bản thông tin về lễ hội để làm rõ vấn đề.



Tác giả^(*)

Trương Văn Ảnh

Tác giả môn Tiếng Anh, bộ SGK Chân trời sáng tạo

Ở đời người viết có tài
Ngày đêm viết sách truyền đời mai sau
Ghi ra kiến thức bền lâu
Sách này lưu dấu nhiệm mầu tên ta.

Người viết tận sức xông pha
Truyền đi tri thức, mở ra đường đời
Viết nên khát vọng con người
Để mai thông tuệ rạng ngời tương lai.

Mai sau vững bước đường dài
Nhờ công tác giả miệt mài viết ra
Đời sau tiến bộ vượt xa
Ánh sáng tri thức toả ra muôn miền.

Kiến thức từ tận trái tim
“Chân trời sáng tạo” chẳng im giây nào
Tác giả rất đổi tự hào
Tâm can để lại ngọt ngào ước mơ.

(*) Bài thơ được tác giả sáng tác trong buổi gặp gỡ các tác giả SGK *Chân trời sáng tạo* do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức, nhân dịp đón xuân Bính Ngọ, ngày 28/01/2026, tại TP. Hồ Chí Minh.

Một ánh trăng Giêng vành vạnh trước nhà

Đặng Quốc Hoàng

GV. Trường THCS Thạnh Yên, xã Vĩnh Hoà, An Giang

Đã bao mùa trăng đi qua
đã bao lần quên lối hẹn
trăng Giêng chợt về trước ngõ
vành vạnh một ánh trăng đầy

đã bao thặng trầm dâu bể
đã bao ước vọng cao vời
chạnh lòng mái đầu điểm bạc
quê nhà một góc bao dung

đêm huyền hoặc
gió đùa cùng mây biếc
không gian mờ
hờ hững ánh trăng ngà
dáng trang đài
mộng mị nét kiều sa
trăng mê dụ
dậy hương tình lời lả

ta phiêu diêu trong giấc mộng trăng đầy
ta mê mãi vốc cạn tình trăng nhỏ
ta vụng dại ôm mối sầu trăng vỡ
giấc mơ nào ôm ấp cuộc hoan ca
một ánh trăng Giêng vành vạnh trước nhà...



Miền tháng Giêng xanh

Nguyễn Chí Ngoan

GV. Trường Tiểu học Thuận Hoà 1,
xã Thuận Hoà, An Giang

Trên con đường quê nắng ngập tràn khắp lối, những cánh hoa trở vào ban sớm mùi hương nồng nàn hoà cùng cánh gió băng khuâng, những nếp nhà quê chập chờn khói toả trắng cả miền năm tháng chưa vơi.

Tháng Giêng về giữa cơn mưa xuân nhẹ nhàng trước ngõ tưởng như chút xao động đất trời cứ khe khẽ đi qua, không tàn đóm rực rỡ mùa màng. Nhưng tháng Giêng vẫn âm thầm đi qua mang theo chút kí ức ngày thơ, chút mặn nồng ngày mới lớn, chút buồn ngủi mỗi bận xa quê. Thời gian trôi như nước chảy dưới chân cầu, mỗi lúc vơi vơi xa. Có lúc tưởng chừng quên ngày, quên tháng, lặng lẽ đi qua không kịp ngoái đầu nhưng trước tháng Giêng, ta thấy lòng mình lắng lại, ngăn ngor với vạt nắng bên thêm, quất quay nhớ về những cơn mưa đã cũ hay thần thờ nhìn những cánh hoa rụng đầy trước sân.

Có những tháng Giêng về, ta ngồi trước hiên nhà nghe gió rít qua song cửa, nhìn những tia nắng trôi trên mặt sông lạnh lách. Chợt thấy bình yên đến lạ. Ta cứ mãi



đón chờ giây phút đó, mặc kệ những vội vàng, tất bật ngoài kia. Cánh đồng tháng Giêng rì rào sóng lúa, chập chờn, mượt xanh chạy thẳng tới chân trời. Ta đứng trên bờ đê, dang tay hít căng lồng ngực hương vị tháng Giêng quê nhà. Những cánh cò cồng nằng nhẹ nhàng đậu xuống trên ngọn cây tràm, lâu lâu lại vỗ cánh tung bay dưới bầu trời xanh biếc. Triền đê xưa có cánh diều tuổi thơ rớt lại, còn vang vọng tiếng cười trong vắt. Đám trẻ nhà quê giờ đã trôi vào thành phố, lẫn trong ngã tư đường chật ních người xe. Chỉ còn ta ở lại về cánh đồng quê, ôm nỗi muộn màng của thời tuổi nhỏ.

Cha vẫn lưng trần lấm lũi ra đồng. Cha gắn cả đời mình vào ruộng đồng, cây cỏ. Mùa nổi mùa qua đi, cha vẫn bám trụ làng quê chưa từng bỏ đất. Những gái trai trong làng bỏ ruộng đồng hoà vào các công ti, xí nghiệp. Nhìn mảnh đất sau nhà cỏ dại mọc đầy mà đầm đìa tiếc nuối. Thấy quê nhà như bị bỏ lại phía sau. Đất đai nhiễm mặn, cây cối vừa mới lên ngọn đã úa tàn, héo lá. Nhưng cha chưa bao giờ tin đất phụ người có lòng, đôi tay cha vẫn ngày đêm vun xới, đón chờ những cơn mưa về gội rửa đất đai quê nhà. Rồi cây sẽ lại lên xanh, người nông dân sẽ ở lại với làng, những sân lúa vàng ươm sẽ lại đầy khắp sân phơi.

Gian bếp nhỏ ngập khói, bồ hóng đen ngòm, củi lá ngổn ngang là nơi ấm áp nhất trên đời. Mẹ ngồi cặm cụi cho củi vào lò, ánh lửa bập bùng soi từng nếp nhăn chắp chới xô vào nhau, tóc mẹ cũng đã bạc đi nhiều, bàn tay trở đồi mồi loang lổ. Chợt thấy nước mắt mình rơi lúc nào không biết. Sau ngần ấy năm khổ cực, mẹ vẫn không chọn cách sống an nhàn. Nhà mua bếp ga, bếp điện, mẹ không dám xài vì sợ tốn tiền của các con. Vườn tược quanh nhà cây cối um tùm, đâu có thiếu củi chụm, nào hết củi mẹ xài bếp ga. Nhưng làm gì có chuyện hết củi đốt trong nhà. Mùa nắng mẹ lui cui kiếm củi, chất đống phơi ngoài sân. Căn bếp nhỏ chất đầy củi cùng những bó lá dừa được bó chặt, để dành mùa mưa chụm dần. Ở gần mẹ riết thành quen, ta cứ thích hít hà mùi khói bếp trên áo mẹ. Những lúc ngồi tựa vào lưng mẹ, để lộ nghe dính đầy trên mặt như ngày còn bé. Mẹ lại nhẹ nhàng kéo vạt áo lau rồi kí đầu mắng yêu. Giờ nước mắt tự lau những lấm lem đời mình.

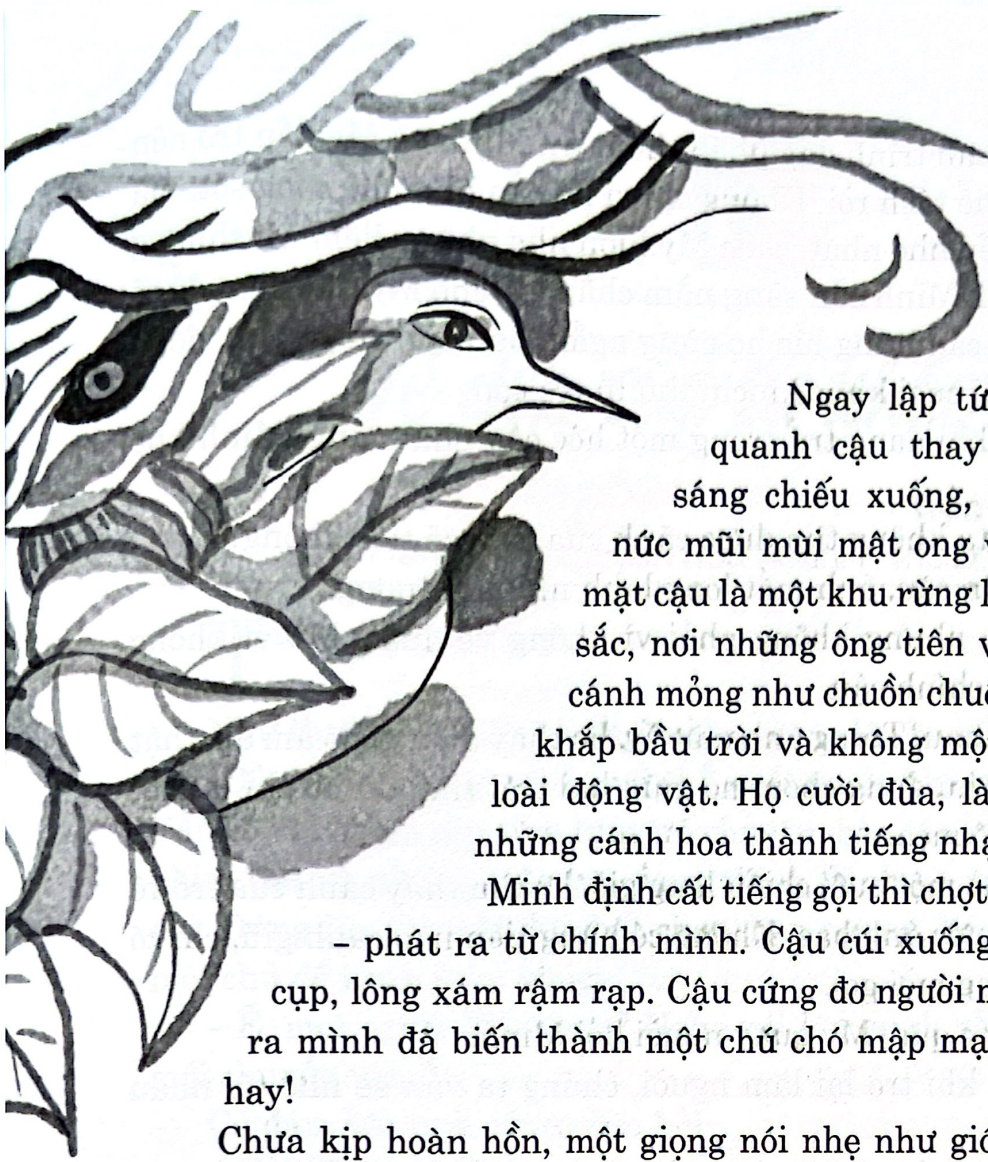
Tháng Giêng về giữa những lúc rời quê lên phố, nắng thì đẹp mà lòng buồn đến lạ. Những cái vẫy tay, ngoái đầu nhìn lại bến quê là thứ keo hồ bên chặt mà ta giữ mãi bên lòng. Ngoài kia, tháng Giêng cứ xanh nõn nà, nắng bụi ngùi trên vai và gió vẫn nhẹ nhàng thổi qua miền kí ức trong veo. Đứng dưới hiên nhà nhìn con đường thênh thang phía trước, ta biết mình sẽ phải đi về đâu giữa mùa nắng đẹp mênh mông...

Chúng ta gặp nhau trong hình dáng khác

Nguyễn Lam Giang

Lớp 9E0, Trường liên cấp Everest, Hà Nội

Hôm ấy, Minh – một anh chàng ham khám phá đã vô tình phát hiện một cánh cửa gỗ nhỏ nhắn nằm giữa rễ cây cổ thụ trong khu rừng phía sau nhà. Cánh cửa ấy có tay nắm bằng đồng xanh óng ánh cùng những hoa văn hình xoắn ốc kì lạ khiến cậu không thể rời mắt. Tò mò, Minh đẩy cửa bước vào.



Ngay lập tức, thế giới xung quanh cậu thay đổi. Một luồng sáng chiếu xuống, không khí thơm nức mũi mùi mật ong và cỏ non. Trước mặt cậu là một khu rừng lấp lánh đầy màu sắc, nơi những ông tiên và bà tiên có đôi cánh mỏng như chuồn chuồn đang bay lượn khắp bầu trời và không một bóng dáng của loài động vật. Họ cười đùa, làm phép và biến những cánh hoa thành tiếng nhạc dịu êm.

Minh định cất tiếng gọi thì chợt nghe tiếng... sủa - phát ra từ chính mình. Cậu cúi xuống: chân ngắn, tai cụp, lông xám rậm rạp. Cậu cứng đờ người một lúc, rồi nhận ra mình đã biến thành một chú chó mập mập lúc nào không hay!

Chưa kịp hoàn hồn, một giọng nói nhẹ như gió cất lên từ phía sau:

- Cậu cũng bị biến thành một loài động vật à, chú cún nhỏ?

Một cô mèo trắng bước ra, dáng đi uyển chuyển, lông cô óng ánh dưới ánh sáng thần tiên. Đôi mắt xanh biếc long lanh của cô ánh lên vẻ thông minh.

- Chào cậu, tớ là My. Tớ cũng là người như cậu. Khi vào đây, chúng ta sẽ biến thành thú.

Minh và My là những sinh vật duy nhất không thuộc về thế giới này. Các tiên vốn chưa từng thấy chó hay mèo, nên lập tức vây quanh họ như thể sinh vật lạ. Họ bị tò mò, chọc ghẹo, vài tiên định bắt họ về để nuôi, gắn nơ hồng lên cổ My và cho Minh ăn bánh ngọt có những vị kì lạ (vị như kem đánh răng và xà phòng).

Không thể sống mãi như thế, họ cùng quyết tâm tìm lại cánh cửa, thứ duy nhất có thể đưa họ trở về thế giới con người.

Họ cùng nhau băng qua rừng Bay Bồng, nơi cây cối biết hát và những chiếc lá biết nhảy. Họ vượt hồ Gương Kí Ước, nơi mỗi giọt nước phản chiếu lại nỗi nhớ về gia đình. Họ phải tránh bày tiên gác đêm, những sinh vật nhỏ xíu nhưng nghiêm khắc.

Trong cuộc hành trình đầy phép thuật ấy, Minh và My dần trở nên gắn kết, không thể tách rời. Không chỉ vì họ cần nhau để sống sót, mà còn bởi những điều nhỏ nhặt: cách My luôn nhẹ nhàng liếm vết thương ở chân Minh, cách Minh sẵn sàng nằm chắn gió cho My mỗi đêm để cô được yên giấc và cả những lúc họ cùng ngắm bầu trời tím thẫm, đoán hình đám mây rồi cười khúc khích như lũ trẻ con.

Một đêm nọ, khi đang trú trong một hốc cây phát sáng, Minh khẽ hỏi:

- Nếu chúng ta không tìm được cánh cửa, cậu có tiếc không?

My ngược nhìn cậu, ánh mắt long lanh như hồ Gươm.

- Tôi sẽ tiếc... nhưng không phải vì không về được. Mà vì không được thấy cậu là chính cậu.

Cả hai nhìn nhau. Trong ánh mắt ấy, họ thấy điều gì đó ấm áp, thật và lạ lẫm... một thứ đang chớm nở giữa hai trái tim, dù họ chỉ là một chú chó và một cô mèo.

Cuối cùng, vào một buổi chiều lặng gió, họ tìm thấy cánh cửa trở về dưới chân thác nước ánh bạc. Không có nàng tiên nào canh giữ, chỉ có ánh sáng dịu dàng mời gọi.

Trước khi bước qua, My quay người hỏi Minh:

- Cậu nghĩ... khi trở lại làm người, chúng ta vẫn sẽ nhớ tới nhau chứ?

Minh mỉm cười, khẽ chạm tay vào trán cô mèo:

- Nếu tôi quên, thì trái tim tôi sẽ nhắc.

Và họ bước qua.

Minh mở mắt, lại là chàng trai khôi ngô, tuấn tú. Bên cạnh cậu là một cô gái với mái tóc dài và đôi mắt xanh quen thuộc. Cả hai nhìn nhau và cùng hiểu ngay lập tức, không cần lời giải thích nào.

- My?

- Minh?

Họ cùng bật cười và cảm thấy lòng nhẹ nhõm.

Minh đưa tay nắm lấy tay My, dịu dàng nói:

- Tôi cứ tưởng, khi quay lại làm người, cảm giác đó của chúng ta sẽ đều biến mất...

My siết nhẹ tay cậu và thì thầm:

- Không. Tôi nghĩ tình cảm thật thì không đổi.

Ánh nắng buổi chiều chiếu rọi qua tán cây. Không còn đuôi đề cụp xuống hay tai đề vẫy, nhưng có một điều vẫn nguyên vẹn: trái tim họ đã đập cùng một nhịp.

Vẻ đẹp của sự khác biệt

Trần Đình Khánh Nghi

Lớp 11D1, THPT Nguyễn Hữu Huân, P. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Tùng... từng... từng...

Như thường lệ, tiếng trống trường vang lên ba hồi, báo hiệu giờ vào lớp. Đám học trò vội vã ùa về chỗ ngồi trước khi giáo viên bước vào. Vẫn có vài nhóm còn túm tụm trò chuyện, bàn tán rôm rả về những bộ phim thú vị, những trào lưu đang thịnh hành và đủ thứ chuyện trên đời. Đúng lúc ấy, một đứa bất chợt chen ngang, kéo câu chuyện sang một chủ đề hoàn toàn khác:

- Ê, mọi người biết chưa? Nghe nói lớp mình sắp có một học sinh mới chuyển vào đó.

Cả đám bất ngờ, rồi có đứa hỏi:

- Hả? Thiệt á? Thế sao cô giáo không thông báo gì nhỉ?

Một đứa khác thêm vào:

- Chắc là hôm nay cô sẽ nói với tụi mình ấy mà.

Chỉ trong chốc lát, tin về bạn học sinh mới đã lan khắp lớp. Đứa nào cũng tò mò, liên tục đặt ra hàng loạt câu hỏi: Bạn ấy đến từ đâu, học có giỏi không, có sành điệu hay không? Cả lớp đang xôn xao thì cô giáo bước vào. Theo thói quen, lớp trưởng đồng thanh hô: "Ng nghiêm!". Tất cả đồng loạt đứng lên chào cô. Cô Bình là giáo viên chủ nhiệm lớp 10C, đồng thời là giáo viên dạy Ngữ văn. Cô có mái tóc dài đen mượt, khuôn mặt phúc hậu, đôi kính cận làm nổi bật vẻ điềm đạm của một nhà giáo tri thức. Trong tà áo dài thướt tha, cô bước lên bục giảng và thông báo:

- Chào cả lớp, hôm nay cô có một tin đặc biệt. Lớp chúng ta sẽ có một bạn học sinh mới chuyển đến. Cô mong cả lớp sẽ tích cực giúp đỡ để bạn sớm hoà nhập với môi trường mới nhé!

Dứt lời cô, bạn học sinh mới bước vào lớp với vẻ lo lắng, rụt rè. Bạn mặc bộ đồng phục gọn gàng: áo sơ mi trắng, váy xanh đậm. Thân hình gầy gò, làn da rám nắng, mái tóc buộc đuôi ngựa, trên vai là chiếc cặp xinh xắn nhưng đã cũ. Vừa thấy bạn xuất hiện, cả lớp rì rầm bàn tán rồi vỗ tay chào mừng.

Sau khi yêu cầu lớp giữ trật tự, cô Bình nhẹ nhàng nói:

- Đây là Mơ. Từ hôm nay, bạn sẽ đồng hành cùng lớp chúng ta đến hết cấp III. Con hãy giới thiệu đôi chút về bản thân nhé.

Mơ nói:

- Xin chào cô và các bạn, mình là Mơ, gia đình mình vừa chuyển đến đây, mình mong được sự hỗ trợ của các bạn trong thời gian sắp tới.

Có một điều Mơ vẫn chưa dám nói về mình. Trước khi chuyển đến ngôi trường này, em từng học ở một trường tỉnh.

Giới thiệu xong, cô giáo mời Mơ về chỗ ngồi còn trống rồi bắt đầu tiết học. Đến giờ ra chơi, thường thì cả lớp ủa ra ngoài, nhưng lần này các bạn lại túm tụm quanh Mơ, như thể vừa phát hiện ra một điều gì đó lạ lẫm. Một đứa trong đám bất chợt lên tiếng hỏi:

- Sao cậu chuyển tới đây? Cậu đến từ đâu?

Mơ khựng lại giây lát trước khi trả lời.

- À... tớ cũng sinh ra và lớn lên ở Thành phố Hồ Chí Minh như các cậu. Gia đình tớ sống ở trung tâm thành phố, chỉ là ba mẹ muốn cho tớ vào đây học để được tiếp xúc với một môi trường mới thôi.

Cả đám ồ lên trong sự ngạc nhiên, bất ngờ và đầy thích thú. Có đứa nhanh nhẩu nói:

- Thế là nhà cậu ấy giàu lắm, trung tâm thành phố lận cơ mà!

Lúc này, Mơ cảm thấy vô cùng vui vẻ và tin rằng cách tốt nhất để hoà nhập chính là cố gắng trở nên giống với phong cách, hoàn cảnh và lối sống của những người xung quanh.

Thời gian trôi qua, Mơ dần thích nghi với môi trường mới, có thêm nhiều bạn bè và luôn bắt kịp những xu hướng mới nhất. Thế nhưng, có điều gì đó không ổn. Cô bé đang đeo lên mình một lớp mặt nạ mà chính bản thân cũng không hề nhận ra.

Rồi một ngày nọ, cô Bình giao cho cả lớp một bài tập liên quan đến bài học về giá trị bản thân. Đề bài yêu cầu: "Vẽ một bức tranh thể hiện chân thật giá trị cốt lõi trong con người bạn.". Ngay khi nhận đề, cả lớp tỏ ra vô cùng thích thú.

Riêng Mơ vẫn ngồi lặng im. Cô bé không biết mình sẽ vẽ gì, hay đúng hơn là không biết nên vẽ điều gì để khiến mọi người hài lòng và ngưỡng mộ.

Giờ ra chơi, Mơ ngồi dưới tán cây xanh mát, lặng lẽ nghĩ về giá trị cốt lõi của bản thân. Trong dòng nghĩ ấy, cô chợt nhớ về những ngày tháng yên bình nơi quê nhà, cùng bố mẹ cần mẫn trên những cánh đồng. Dẫu vất vả, nhưng lại vô cùng hạnh phúc. Mơ cũng nhớ đến những sở thích giản dị của mình: nặn tò he, gấp những con cào cào bằng lá chuối,... Thế nhưng, cuộc sống nơi thành phố đã khiến cô dần

đánh mất những giá trị đẹp đẽ ấy, chỉ vì mong muốn tạo ấn tượng và tìm kiếm sự yêu mến từ những người xung quanh.

Mơ bắt xe buýt trở về căn nhà trọ nhỏ, cũ kĩ mà bố mẹ đã thuê cho cô bé ở. Trước mặt Mơ là tờ giấy A4 trắng tinh đặt ngay ngắn trên bàn. Cô bé ngồi lặng yên rất lâu, rồi chậm rãi cầm bút chì lên, phác thảo những nét vẽ đầu tiên.

Trong lúc mải miết vẽ, Mơ bất chợt mỉm cười. Những đường nét ấy dường như đã giúp cô kết nối lại với chính mình của ngày xưa, để tìm về những giá trị cốt lõi đã từng bị lãng quên. Có lẽ, đó là bức tranh đẹp nhất mà cô bé từng vẽ, nó không hoàn hảo nhưng chân thật.

Ngày hôm sau, lần lượt từng bạn bước lên bục giảng để trình bày bức vẽ của mình cùng ý nghĩa phía sau. Đến lượt Mơ, cô bé bước lên bục với tâm trạng rối bời: vừa lo sợ không biết mọi người sẽ nghĩ gì khi nhìn bức tranh và nghe phần trình bày, vừa có chút tự hào vì tác phẩm ấy đã thể hiện đúng giá trị thật sự của bản thân. Rồi Mơ giơ bức tranh lên, đó là hình ảnh một gia đình nông dân đang cần mẫn làm việc trên cánh đồng lúa vàng. Một bạn học sinh tò mò:

– Cậu ấy gặt lúa ở trung tâm Thành phố ư?

Cùng lúc đó, Mơ bắt đầu nói về ý nghĩa đằng sau bức tranh:

– Đây là bức tranh về gia đình tớ, những người đang làm việc trên cánh đồng. Tớ cũng muốn nói lời xin lỗi vì đã từng nói dối mọi người về hoàn cảnh của mình. Giá trị cốt lõi của tớ, như trong bức vẽ này, chính là được lớn lên từ miền quê yên bình ấy.

Dứt lời, cả lớp bỗng im lặng. Mơ thầm nghĩ chắc hẳn sẽ không ai chấp nhận một người vừa khác biệt về hoàn cảnh, lại vừa nói dối ngay từ lần đầu gặp gỡ. Thế nhưng, trái với suy nghĩ của cô bé, các bạn trong lớp không hề tỏ ra thất vọng. Thay vào đó là những ánh mắt cảm thông, những nụ cười ấm áp và một tràng pháo tay vang lên thật lớn. Cô Bình cũng mỉm cười hài lòng với phần trình bày của Mơ và nói:

– Đó chính là thông điệp mà cô muốn đem đến cho các con: “Vẻ đẹp của sự khác biệt”.

Tiết học đã kết thúc như vậy đấy.

Và năm sau, Mơ trở thành một trong những học sinh xuất sắc nhất của lớp. Cô bé còn là người sáng lập và chủ nhiệm một câu lạc bộ trò chơi tuổi thơ như nặn tò he, gấp hình từ lá chuối, chơi ô ăn quan,... Đây là câu lạc bộ được hình thành từ chính niềm đam mê của Mơ và điều đó khiến cô trở nên thật đặc biệt.

Mỗi người đều mang trong mình những giá trị riêng. Đừng đánh mất bản thân để trở thành người khác, hãy là chính mình.

Kể lại truyện cổ tích

Cậu bé Tích Chu

Trần Gia Linh

Lớp 6A3, THCS Tam Dương, xã Tam Dương, Phú Thọ

ĐỀ BÀI: Đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

BÀI LÀM

Tôi là Tích Chu.

Giờ đây, khi đã lớn lên, mỗi lần nhớ lại câu chuyện của mình và bà, lòng tôi vẫn nhói lên như có ai khẽ chạm vào một vết sẹo cũ.

Ngày nhỏ, tôi mồ côi cha mẹ từ rất sớm. Trong căn nhà nhỏ đơn sơ ấy, chỉ còn tôi và bà nương tựa vào nhau mà sống. Bà tôi già rồi, lưng còng xuống theo năm tháng, vậy mà ngày nào cũng phải quần quật làm lụng để nuôi tôi khôn lớn. Có miếng ăn ngon, bà đều nhường cho tôi. Đêm đến, khi tôi say giấc, bà vẫn ngồi bên quạt cho tôi mát, từng nhịp quạt đều đều như nhịp thở yêu thương.

Tôi còn nhớ, có người từng nói với bà: “Bà ơi! Lòng bà thương Tích Chu cao hơn trời, rộng hơn biển. Lớn lên thế nào Tích Chu cũng không quên ơn bà đâu.”.

Khi ấy, tôi chỉ cười khúc khích, chẳng nghĩ ngợi gì. Và đáng buồn thay, khi lớn hơn, tôi đã không làm được như lời người ta nói.

Tôi mãi mê rong chơi cùng bạn bè, để mặc bà ngày càng gầy yếu. Bà vẫn lặng lẽ làm việc, còn tôi thì vô tư như chẳng có gì xảy ra. Vì làm lụng vất vả, ăn uống kham khổ, bà ngã bệnh lúc nào tôi cũng không hay biết.

Hôm ấy là một buổi trưa nắng gắt. Tôi còn đang chơi ngoài đường thì bà lên cơn sốt cao. Khát nước đến khô cổ, bà gọi tôi:



- Tích Chu ơi, cho bà ngậm nước nào...

Bà gọi một lần... rồi hai lần... rồi ba lần...

Nhưng tôi không ở nhà. Tôi chẳng nghe thấy gì cả.

Khi tôi trở về, căn nhà im ắng lạ thường. Và rồi, trước mắt tôi, bà đã hoá thành một con chim, vỗ cánh bay lên trời. Tim tôi thất lại, chân tay run rẩy, tôi hoảng hốt kêu lên:

- Bà ơi! Bà đi đâu? Bà ở lại với cháu! Cháu sẽ mang nước cho bà mà!

Con chim quay lại, cất tiếng buồn bã:

- Cúc... cu... cu... Chạm mất rồi cháu ạ. Bà khát quá, không chịu nổi nữa, phải hoá thành chim để đi kiếm nước. Bà đi đây, bà không về với cháu nữa đâu.

Nói rồi, bà vỗ cánh bay đi. Tôi chạy theo, vừa chạy vừa khóc, chỉ mong kịp níu lại một điều gì đó. Cuối cùng, tôi gặp bà khi ấy đang uống nước bên một dòng suối mát. Tôi gọi trong nước mắt:

- Bà ơi! Bà về với cháu đi! Cháu sẽ lấy nước cho bà, sẽ giúp đỡ bà, sẽ không làm bà buồn nữa đâu!

Nhưng bà chỉ đáp:

- Cúc... cu... cu... Muộn quá rồi cháu ơi...

Tôi oà lên khóc nức nở. Lần đầu tiên, tôi thấy rõ lỗi lầm của mình, thấy nỗi cô đơn và vất vả của bà mà trước đây tôi đã vô tâm bỏ quên.

Đúng lúc ấy, một bà Tiên hiện ra. Giọng bà hiền từ:

- Tích Chu ơi! Nếu cháu muốn bà cháu trở lại làm người, cháu phải đi lấy nước suối Tiên cho bà uống. Đường xa lắm, cháu có đi được không?

Tôi mừng đến run người. Không kịp nghĩ ngợi, tôi hỏi đường rồi lập tức lên đường. Tôi chạy qua bao rừng núi hiểm trở, chân mỏi nhừ, hơi thở dồn dập, nhưng trong lòng chỉ có một ý nghĩ: phải cứu bà.

Cuối cùng, tôi cũng đến được suối Tiên. Tôi múc đầy bình nước, ôm chặt lấy như ôm cả hi vọng, rồi vội vã quay về. Vừa về tới nhà, tôi gọi to trong xúc động:

- Bà ơi! Bà ơi! Cháu mang nước về rồi đây!

Bà uống nước suối Tiên và kì diệu thay, bà trở lại thành người. Tôi oà khóc, ôm chầm lấy bà:

- Bà ơi! Cháu biết lỗi rồi. Từ nay cháu sẽ luôn ở bên, chăm sóc bà...

Từ ngày đó, tôi không còn rong chơi nữa. Tôi ở bên bà, yêu thương và chăm sóc bà bằng tất cả tấm lòng. Hai bà cháu tôi lại sống hạnh phúc bên nhau, bình dị nhưng ấm áp... đây chính là bài học lớn nhất của cuộc đời tôi.

“Anh bộ đội Cụ Hồ”

Kiều Thị Trà My

Lớp 9A, THCS Lý Tự Trọng, xã Bình Nguyên, Phú Thọ

ĐỀ BÀI: Viết bài văn với chủ đề: “Anh bộ đội cụ Hồ”.

BÀI LÀM

Lịch sử Việt Nam được viết nên bằng máu, mồ hôi và ý chí kiên cường của biết bao thế hệ anh hùng. Trong dòng chảy ấy, hình ảnh người lính luôn hiện lên bên bờ, lặng lẽ mà vĩ đại. Đặc biệt, hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ, người lính mang trong mình lí tưởng cách mạng, lòng yêu nước sâu nặng và tinh thần hi sinh cao cả đã trở thành biểu tượng đẹp đẽ, gắn liền với những trang sử vàng của dân tộc.

Trong những cuộc chiến đấu một mất một còn, hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ hiện lên giản dị qua bộ quân phục đã bạc màu, sờn vai, đôi ủng cao su mòn vẹt lấm bùn đất. Nhưng chính sự cũ kĩ ấy lại chứa đựng sức mạnh phi thường: mỗi vết rách là dấu tích trận mạc, mỗi vết bẩn là kỉ niệm của những ngày băng rừng, vượt núi. Chiếc mũ cối quen thuộc, dù đã cũ, vẫn che chở người lính trước nắng mưa khắc nghiệt của chiến trường. Bộ quân phục không thơm mát, đôi ủng không lạnh lặn, nhưng tất cả đều là minh chứng cho ý chí bền bỉ, cho những bước



chân không mỏi trên con đường gian truân, mang lại độc lập, tự do và hoà bình cho Tổ quốc.

Qua bài thơ *Lên Tây Bắc*, mỗi chúng ta đều có thể nhận ra rằng không phải ngẫu nhiên Tố Hữu khắc hoạ vẻ đẹp của người chiến sĩ, anh bộ đội với tinh thần kiên cường, lạc quan và đầy sức sống trong cuộc chiến đấu gian khổ:

*Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều,
Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo,
Núi không đè nổi vai vươn tới,
Lá ngụy trang reo với gió đèo*

Anh bộ đội Cụ Hồ không chỉ là người lính chiến đấu trên mặt trận, anh còn là người con, người anh, người bạn của đồng bào. Trong những ngày tháng kháng chiến ác liệt, người chiến sĩ không chỉ đối mặt với kẻ thù mà còn chiến đấu với nỗi thiếu thốn, vất vả của chiến tranh. Họ chiến đấu trong đói rét, trong những ngày mưa gió, nhưng không bao giờ khuất phục. Khi nghĩ về anh bộ đội Cụ Hồ, người ta không thể không nghĩ đến những hình ảnh anh dũng trong chiến đấu. Trong những trận đánh ác liệt, anh không lùi bước trước kẻ thù. Những bước chân không mệt mỏi, những lần xung phong hi sinh đều là minh chứng cho lòng dũng cảm và ý chí thép của người chiến sĩ. Anh không chỉ chiến đấu cho mình, mà còn chiến đấu vì đồng bào, vì dân tộc. Có thể anh sẽ ngã xuống giữa chiến trường, nhưng lòng anh vẫn hướng về một ngày đất nước được tự do, hoà bình. Chỉ có chiến thắng, Tổ quốc mới có thể phát triển, nhân dân mới có thể hưởng cuộc sống tự do. Mỗi bước đi của anh bộ đội Cụ Hồ đều là một bước tiến trên con đường chiến thắng, dù phải đối mặt với bao nhiêu thử thách, gian truân.

Bên cạnh tinh thần chiến đấu, tình đồng đội là một phẩm chất không thể thiếu trong hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ. Trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu, ta thấy được một tình đồng đội keo sơn, chia sẻ trong chiến đấu, trong gian khổ.

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!*

[...]

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Trong mỗi dòng thơ ấy, ta cảm nhận được tình đồng chí thắm thiết, tình anh em không chỉ đơn thuần là sự sẻ chia trong chiến đấu, mà còn là sự gắn kết trong những thử thách, gian khổ. Dù chiến trường có đẫm máu, dù đói khát, mệt mỏi, các anh bộ đội vẫn luôn đứng bên nhau, không bao giờ bỏ rơi đồng đội. Đó chính là hình ảnh của một người lính Cụ Hồ sẵn sàng chiến đấu vì tự do của Tổ quốc và vì hạnh phúc của nhân dân. Tình đồng đội ấy không chỉ là sự liên kết giữa những người lính, mà còn là sự gắn bó khăng khít giữa quân và dân. Những người lính ấy không chỉ bảo vệ Tổ quốc trên chiến trường, mà còn là những người con của dân tộc, luôn đồng hành cùng nhân dân trong từng hoàn cảnh khó khăn nhất.

Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ không chỉ toả sáng trong những năm tháng chiến tranh mà còn hiện lên đẹp đẽ, quả cảm trong thời bình hôm nay. Trước thiên tai, hoả hoạn hay những tình huống khẩn cấp, khi người dân rơi vào bất lực, các anh luôn là lực lượng tiên phong, sẵn sàng hi sinh thời gian, công sức, thậm chí cả tính mạng để cứu nạn, cứu hộ. Từ chữa cháy, giải cứu sự cố, giúp dân vượt lũ đến ngày đêm canh giữ biên cương, người lính luôn âm thầm bảo vệ sự sống, tài sản và bình yên của nhân dân. Chính bằng trách nhiệm, lòng dũng cảm và tình yêu thương con người, các anh trở thành những người hùng thầm lặng, là chỗ dựa vững chắc trong trái tim nhân dân. Đây là mệnh lệnh của trái tim người lính, là lẽ sống, lí tưởng, là văn hoá cao đẹp của Bộ đội Cụ Hồ!

Nhìn lại truyền thống anh hùng của dân tộc, em vô cùng tự hào khi được sinh ra trên mảnh đất đã được đánh đổi bằng xương máu và sự hi sinh của bao thế hệ cha anh. Niềm tự hào ấy đi cùng trách nhiệm: học tập, rèn luyện không ngừng để xứng đáng với công lao to lớn của những người đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Là một công dân trong thời đại kỉ nguyên vươn mình, em tự nhủ sẽ trau dồi tri thức, nhân cách, noi gương Bác Hồ và các bậc tiền bối, luôn biết ơn và trân trọng sự hi sinh của các anh hùng, liệt sĩ. Đó là trách nhiệm thiêng liêng của thế hệ hôm nay, để ngọn lửa tự hào, niềm tin và lòng biết ơn mãi cháy sáng trong trái tim người con đất Việt.



Hình ảnh “chim yến làm tổ”

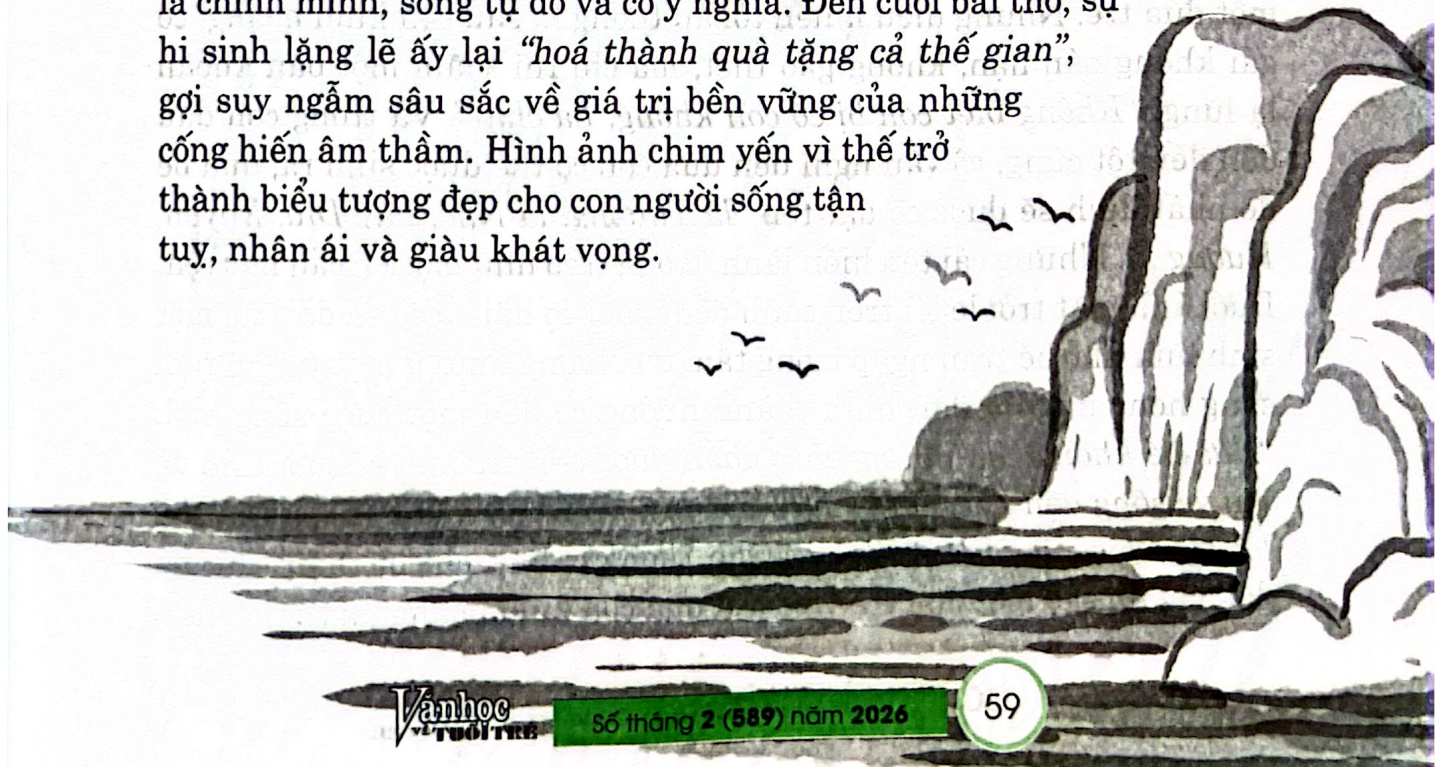
Đào Duy Kiên

Lớp 6A2, THCS Lê Văn Thịnh, xã Gia Bình, Bắc Ninh

ĐỀ BÀI: Anh/Chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ý nghĩa hình ảnh chim yến trong bài thơ *Chim yến làm tổ* của tác giả Nguyễn Minh Khiêm.

BÀI LÀM

Trong bài thơ *Chim yến làm tổ* của Nguyễn Minh Khiêm, hình ảnh chim yến mang ý nghĩa biểu tượng giàu sức gợi, góp phần thể hiện tư tưởng nhân văn của tác giả. Chim yến hiện lên là loài chim nhỏ bé nhưng bền bỉ, sẵn sàng “*chất máu mình làm tổ*” ở “*vách đảo giữa trùng khơi*”, nơi luôn đối mặt với sóng thần, bão tố. Qua đó, nhà thơ ca ngợi vẻ đẹp của sự hi sinh thầm lặng, của ý chí kiên cường trước nghịch cảnh. Không chỉ vậy, hành trình làm tổ của chim yến còn tượng trưng cho con người trong quá trình dựng xây cuộc sống: dù gian nan, vất vả nhưng vẫn chắt chiu từ những điều nhỏ bé để tạo nên mái ấm và khát vọng riêng. Đặc biệt, chim yến không so sánh mình với ai, chỉ mong “*tự do được hót giữa trời xanh*”, qua đó thể hiện khát vọng sống là chính mình, sống tự do và có ý nghĩa. Đến cuối bài thơ, sự hi sinh lặng lẽ ấy lại “*hoá thành quà tặng cả thế gian*”, gợi suy ngẫm sâu sắc về giá trị bền vững của những cống hiến âm thầm. Hình ảnh chim yến vì thế trở thành biểu tượng đẹp cho con người sống tận tụy, nhân ái và giàu khát vọng.





Suy nghĩ về kết thúc truyện ngắn **“Cánh đồng bất tận”**

Cầm Bảo Nam

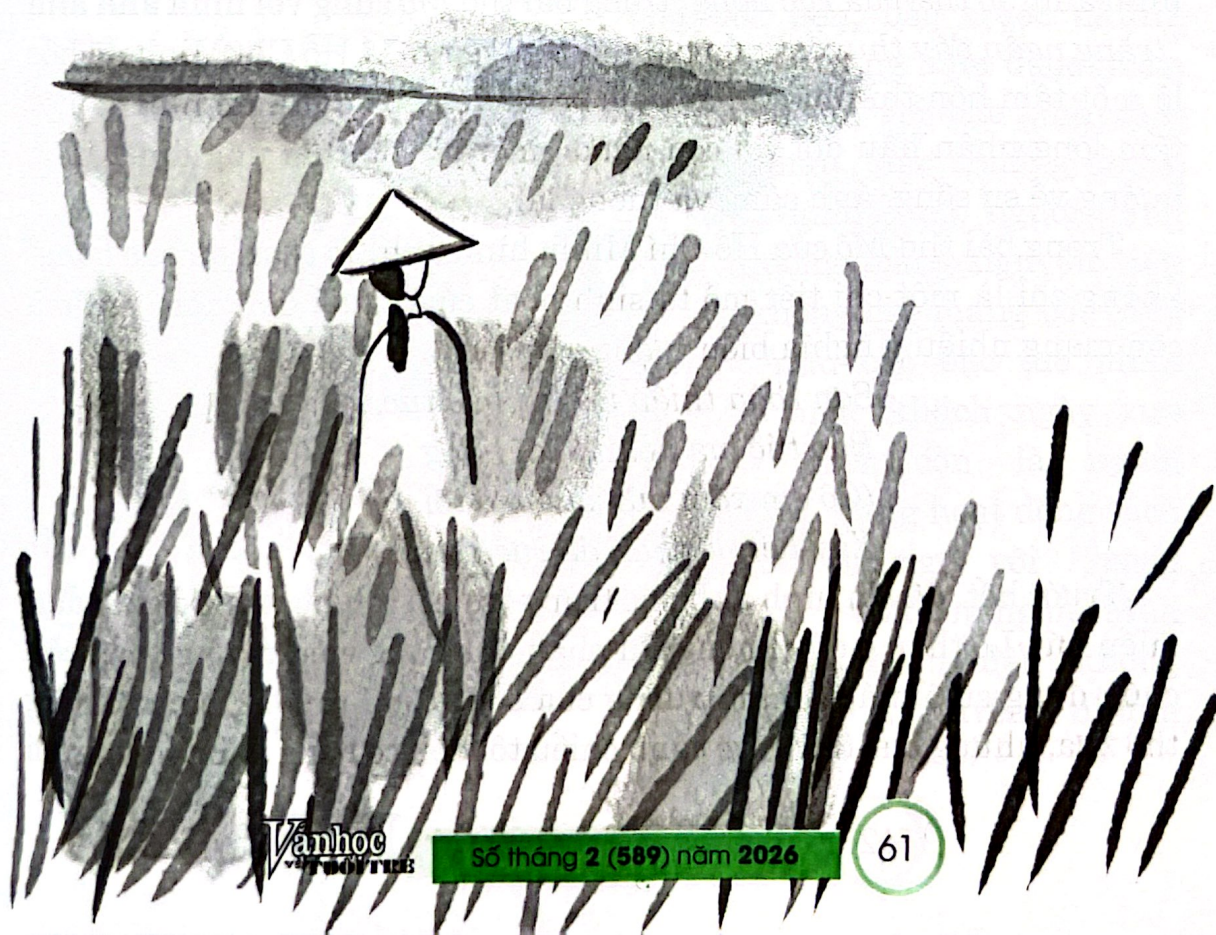
Lớp 11 chuyên Văn, THPT Chuyên Sơn La, Sơn La

ĐỀ BÀI: Suy nghĩ của anh/chị về đoạn kết của truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư.

BÀI LÀM

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư thường kết lại trong nỗi buồn mênh mang, đó là niềm khắc khoải kiếm tìm của ông Năm Nhỏ theo tiếng gọi “*Cải ơi*”; một chơi với, mơ hồ gọi thằng bé Cui khi bông sâu tàn, ngày buồn và người thì xuống núi; một nỗi buồn đưa chốt qua sông và “*mùa nay gió bắc hiu hiu lại về*”... Truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* cũng khép lại với một nỗi buồn nhưng là nỗi buồn day dứt, nỗi đau đầy ám ảnh, đến giờ vẫn thao thiết trong tôi: Trên “*cánh đồng bất tận*”, Nương – con gái ông Vũ bị bọn côn đồ ăn cắp vịt xâm hại trước sự bất lực của ông. Cô gái bị xâm hại trước mắt cha mình, cái ác phơi trần, nỗi đau đổ xuống thân xác mỏng manh của một đứa trẻ. Nhưng điều khiến tôi ấn tượng là sau cơn kinh hoàng, cô gái không oán hận, không gào thét, mà chỉ thì thầm một bản khoả lạ lòng: “*Không biết con bị có con không, hả cha?*”. Và trong cơn đau đớn đến tột cùng, cô vẫn nghĩ đến đứa con có thể được sinh ra, đứa bé đó nhất định sẽ được cô đặt tên “*là Thương, là Nhớ, hay Dịu, Xuyên, Hường...*”. Những cái tên hiền lành, trong trẻo như một lời cầu nguyện. Dưới ánh mặt trời le lói trên cánh đồng, nỗi sợ hãi về sự ra đời của một sinh linh nhỏ bé tràn ngập trong tâm trí Nương nhưng một ý nghĩ tươi sáng hơn cũng đã dần hình thành hướng cô đến một cuộc sống mới. “*Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn*”. Kết truyện tưởng chừng phi lí, thậm chí giả dối, vì làm sao một đứa trẻ vừa trải qua cơn kinh hoàng lại có thể bình

tĩnh và nhân hậu đến thế. Nhưng với tôi, chính sự “vô lí” ấy mới là điều khiến văn chương trở thành điểm tựa để con người có thể vượt lên khỏi bản năng mà chạm tới phần ánh sáng hiếm hoi còn sót lại trong bóng tối. Với nhà văn trong hành trình sáng tạo và độc giả trong quá trình thưởng thức một tác phẩm văn chương có lẽ đều hướng đến một hi vọng tin yêu nơi con người, kiếm tìm phần người còn sót lại giữa những hoang tàn, phồn tạp của cuộc sống, trên một cánh đồng “không có những hạt mầm tốt gieo vào lòng đất thì trên những “cánh đồng bất tận” mãi mãi chỉ có nắng nung người, gió cháy da, chất phèn chua lét, đàn vịt cọc còi và những người đàn bà... làm dĩ. May thay, hạt mầm đã có và được gieo không bởi tuyên ngôn của các vĩ nhân mà là được gieo bởi những kẻ khốn cùng trong xã hội”. Văn chương của Nguyễn Ngọc Tư khiến ta thức nhận điều dường như nghịch lí, có lẽ để con người nhận ra trong tận cùng của bi kịch, khổ đau vẫn còn một tia sáng nhân văn. Và có lẽ, cái kết của *Cánh đồng bất tận* khiến ta đối diện với cái đau, mà vẫn dám tin vào khả năng hồi sinh của con người. Vì sau tất cả, chỉ có lòng thương mới giữ cho con người không bị nuốt chửng giữa “cánh đồng bất tận” của khổ đau và tội lỗi. Kết thúc tác phẩm, nhà văn gieo một niềm tin vững chắc vào bản lĩnh của con người có thể đối mặt và vượt qua được thách thức của cuộc sống. Và như thế, Nguyễn Ngọc Tư gieo vào lòng ta bao tin yêu vào con người... Viết văn, đọc văn luôn là hành trình thấy những tin yêu như thế, luôn hi vọng, hoài mong vào phần Người bên trong con người. Để ta còn “đọc lại” sau những đau thương tan tác tâm hồn...



Hình ảnh “lò than đã rực hồng” và “trăng ngân đầy thuyền”

Lê Bùi Minh Hằng

Lớp 12 Văn, THPT Chuyên Bảo Lộc, Lâm Đồng

ĐỀ BÀI: Viết bài văn phân tích giá trị đặc sắc của hình ảnh “lò than đã rực hồng” trong bài thơ *Mộ* và hình ảnh “trăng ngân đầy thuyền” trong bài thơ *Nguyên tiêu* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

Sáng tạo thi ca là quá trình phức tạp. Như một ngọn nến, thi nhân tự đốt cháy tâm hồn mới mong thơ toả sáng giữa cuộc đời. Vì “thơ là kết tinh, thơ là ngọc đọng, thơ là phiến kì nam trong rừng trầm hương, thơ là hạt minh châu trong biển hạt trai, thơ là tinh hoa trong vườn phương thảo” (Đông Hồ). Với việc sáng tạo nên hình ảnh “lò than đã rực hồng” trong bài thơ *Mộ* cùng với hình ảnh ánh “trăng ngân đầy thuyền” qua bài thơ *Nguyên tiêu*, Hồ Chí Minh đã bộc lộ một tâm hồn thi nhân nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, một tấm lòng nhân hậu đối với con người, một phong thái ung dung luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.

Trong bài thơ *Mộ* của Hồ Chí Minh, hình ảnh “lò than đã rực hồng” không chỉ là một chi tiết mô tả sinh hoạt của người dân xóm núi mà còn mang nhiều ý nghĩa biểu tượng sâu sắc:

*Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng
(Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng)*

Trước hết, đây là hình ảnh đặc trưng trong sinh hoạt của người dân miền núi. Lò than ở đây không chỉ phản ánh công việc xay ngô, mà còn chứa đựng sự ấm áp, khản trương của cuộc sống thường nhật. Trong thơ xưa, những bức tranh vẽ cảnh chiều tối đều có bóng dáng con người

nhưng sao lẻ loi, cô độc và hiu hắt. Con người ở đây mang nặng một nỗi niềm hoài cổ, một nỗi sầu muộn:

*Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà*

(Bà Huyện Thanh Quan, Qua đèo Ngang)

Còn con người trong thơ Bác, lại là con người lao động đầy sức sống. Chính hai từ “*rực hồng*” đã làm bừng lên sức sống của bức tranh. Cô gái miệt mài xay ngô và dường như không chú ý đến những gì xung quanh mình. Cối xay vẫn cứ quay và khi ngô đã xay xong “*bao túc ma hoàn*” thì cô mới nhìn thấy “*lò than đã rực hồng*”. Hình ảnh “*lò than đã rực hồng*” hiện lên trong đêm tối càng làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ. Toàn bộ cảnh thiên nhiên đang chìm trong màu xám nhạt chuyển sang màu tối. Cũng vì thế hình ảnh lò than rực hồng có sức lôi cuốn đặc biệt. Chữ “*hồng*” đặt ở cuối bài thơ soi rõ vẻ đẹp của người thiếu nữ, toả ánh sáng và hơi ấm, xua đi cái buồn vắng của bức tranh chiều tối nơi rừng núi, tượng trưng cho cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc gia đình. Ánh lửa hồng là ánh lửa của sự sống, của niềm lạc quan.

Hình ảnh “*trăng ngân đầy thuyền*” trong bài thơ *Nguyên tiêu* của Hồ Chí Minh lại mang đậm chất thơ lãng mạn và cũng rất gợi cảm. Bài thơ *Nguyên tiêu* viết về một đêm rằm tháng Giêng, khi trăng sáng tỏ, không gian thanh bình và thơ mộng. Hình ảnh xuất hiện trong câu thơ cuối: “*Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền*”. Con thuyền của người

chiến sĩ đang đàm quân sự trở về trong ánh trăng

ngập tràn. Ánh trăng đêm là ánh

trăng ước hẹn, báo trước những

mùa trăng trong năm được nhân

dân đón đợi với bao tình cảm

nồng hậu. Bác thưởng trăng

trên khói sóng, người đang

thưởng trăng nguyên tiêu

không chỉ mang cốt cách

như các bậc tao nhân

mặc khách ngày xưa

mà còn là người

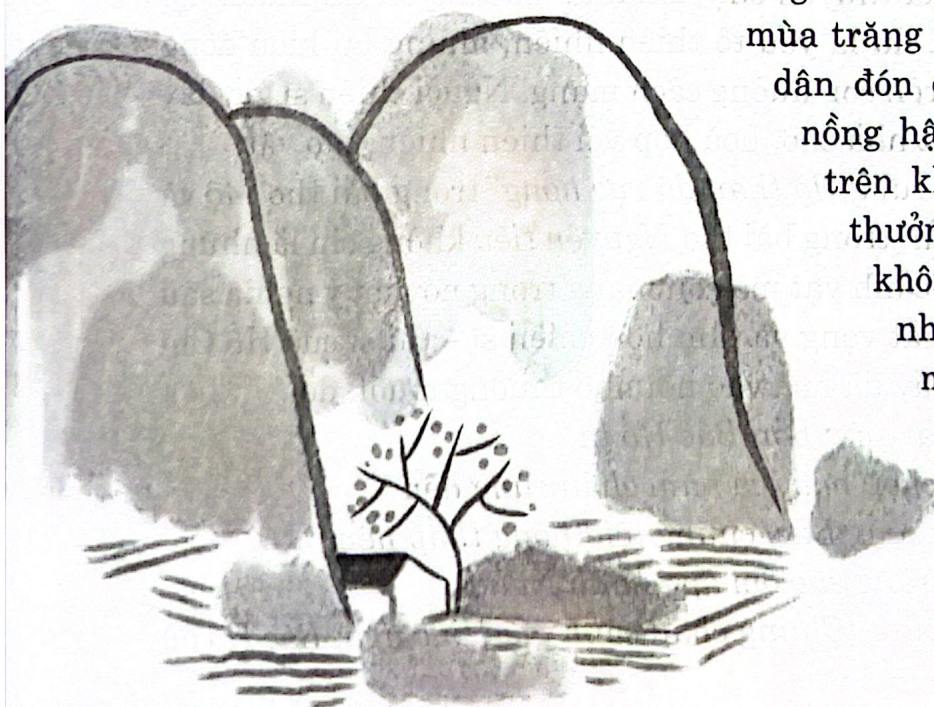
đang hoạt động cách

mạng với trọng

trách nặng nề. Mùa

xuân đến không

chỉ trên những



chồi non lá biếc, mà tất cả vầng trăng đến dòng sông, bầu trời trong thơ Bác lúc này đều đầy sức sống của mùa xuân: “*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên*”. Rằm xuân cũng là ngày rằm tháng Giêng – một đêm trăng rằm tuyệt đẹp – một vẻ đẹp đến ngổ ngàng. Trăng trở thành trung tâm kì vĩ của vũ trụ, trải rộng trên dòng sông, đem đến mùa xuân kì diệu. Mùa xuân có chiều cao và chiều sâu tận cùng trong ánh trăng soi. Một mùa xuân bát ngát trong tầm mắt của Bác. Vượt ra khỏi khung cảnh Việt Bắc là hình tượng đẹp đẽ của bầu trời tự do, của mùa xuân đất nước mà Bác cảm nhận thấy từ ánh trăng rằm trong những tháng ngày còn gian khổ. Có nghĩ đến điều ấy, ta mới càng thấy được phong thái ung dung và lạc quan cao đẹp của Bác. Ẩn sau cảnh trăng xuân đó là hình ảnh của ngày mai tươi sáng đang đến gần. Trăng không chỉ chiếu sáng, mà còn là động lực, là nguồn sống, là hình ảnh của lí tưởng, của sự khát vọng, hoà bình và tự do. Bác đã từng coi trăng như là hình ảnh lí tưởng để vươn tới lúc bị lính áp giải, tay chân bị trói, tưởng không còn để ý gì được đến ngoại cảnh, vậy mà bằng những cảm quan cực nhạy của tâm hồn nhà thơ, Bác vẫn có cái nhìn mới về trăng: “*Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn*” (*Giải đi sớm*). Khi nói đến “*trăng ngân đầy thuyền*”, người đọc có thể cảm nhận được một mối quan hệ mật thiết, hoà hợp giữa thiên nhiên và con người trong thơ Hồ Chí Minh. Trong *Đi thuyền trên sông Đáy*, Bác viết:

Dòng sông lặng ngắt như tờ

Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo

Giữa bốn bề khung cảnh vắng teo, Bác để cho trăng hiện ra thật động. Sao thì muốn đưa thuyền chạy nhanh, mà thuyền thì muốn đợi chờ trăng theo. Trăng, dù là yếu tố thiên nhiên, nhưng lại luôn đồng hành cùng con người trên con đường cách mạng. Người chiến sĩ giờ đây mang tâm hồn của một nhà thơ, hoà hợp với thiên nhiên, tạo vật.

Hai hình ảnh đặc trưng “*lò than đã rục hồng*” trong bài thơ *Mộ* và “*trăng ngân đầy thuyền*” trong bài thơ *Nguyên tiêu* không chỉ là những hình ảnh sinh động về cảnh vật mà còn mang trong nó một ý nghĩa sâu sắc, thể hiện những khát vọng và tâm hồn chiến sĩ – thi sĩ của Hồ Chí Minh. Tâm hồn vĩ đại ấy đã hoá vào nỗi nhớ thương muôn đời.

Hỏi có ai giàu hơn Bác Hồ ta

Người chợ mắt, cả năm châu cùng đến

Trên giường Bác, chúng tôi không thắp nến

Đã có trăng sao ôm ấp quanh Người

(Hải Như, *Chúng cháu canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi*)

THỂ LỆ CUỘC THI VIẾT ƯƠM MẦM VĂN HỌC

(Đợt 3, năm học 2025 – 2026)

Năm học 2025 – 2026, Tạp chí Toán học và Văn học trong nhà trường, Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục tiếp tục tổ chức Cuộc thi viết “Ươm mầm văn học” trên ấn phẩm Văn học và Tuổi trẻ.

1. MỤC ĐÍCH

Tạo sân chơi để phát triển năng lực viết và nuôi dưỡng tài năng văn học cho học sinh; qua đó khơi gợi niềm yêu thích đối với việc học môn Ngữ văn trong nhà trường, phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học cho học sinh; tăng cơ hội tương tác giữa bạn đọc và tạp chí, phát triển văn hoá đọc; tạo cơ hội giao lưu, trao đổi và học hỏi giữa các học sinh trên toàn quốc.

2. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Học sinh THCS & THPT trên toàn quốc.

3. NỘI DUNG

Bài dự thi viết về những chủ đề gần gũi với học sinh, phù hợp với môi trường giáo dục trong nhà trường (trẻ em, những trải nghiệm của bản thân, tuổi học trò, gia đình, mái trường, môi trường thiên nhiên, cộng đồng, quê hương, đất nước,...).

4. QUY CÁCH VỀ TÁC PHẨM DỰ THI

- Thể loại tác phẩm dự thi bao gồm:
 - + Văn xuôi (truyện, kí, tản văn,...) không vượt quá 2000 chữ.
 - + Thơ: tất cả các thể thơ, độ dài phù hợp với các bạn học sinh.
 - + Tranh truyện, truyện tranh: không quá 20 trang.
- Các sáng tác dự thi phải là những tác phẩm mới, chưa từng công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, không sao chép, đảm bảo không có tranh chấp về bản quyền.

5. BÀI DỰ THI GỬI VỀ

Hòm thư: uommamvanhoc.vhtt@gmail.com hoặc gửi trực tiếp theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B Giảng Võ, P. Ô Chợ Dừa, Nội; Số điện thoại: (024) 35122847.



Thể lệ

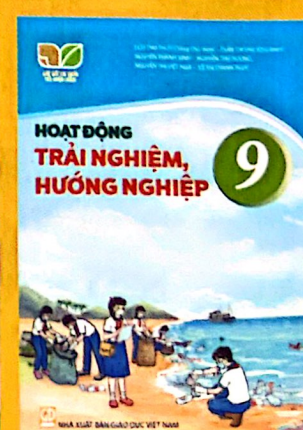
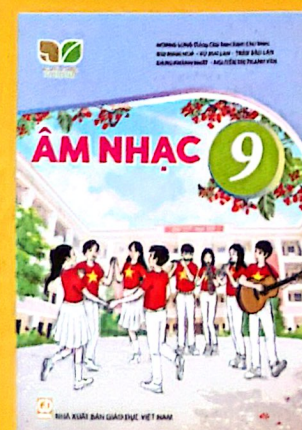
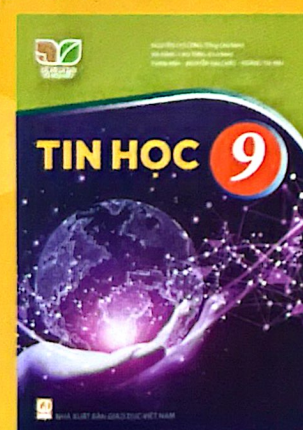
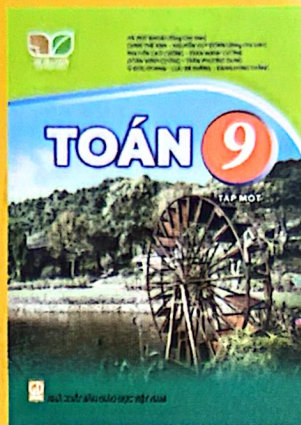


Nhóm cuộc thi

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9 –

BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



Giá: 20.000 đồng